



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3764** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **03** tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương của Công ty TNHH Dũng Khanh do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND huyện Vĩnh Cửu tại Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 790/TTr-LĐTBXH ngày 01 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương của Công ty TNHH Dũng Khanh, địa chỉ: Cụm Công nghiệp Thanh Phú, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số

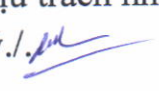
23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ gồm 825 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 3.060.750.000 đồng, trong đó có 74 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (78 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 78.000.000 đồng và 04 người lao động đang mang thai với kinh phí hỗ trợ là 4.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ 3.142.750.000 đồng (ba tỷ, một trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Vĩnh Cửu chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH DỮNG KHANH**
(Đính kèm theo Quyết định số **3764** /QĐ-UBND ngày **03** tháng **10** năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoàn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoàn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/ thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoàn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Phạm Thanh Thủy	Tư lý TGD	Không xác định thời hạn	01/11/2009	7707600339	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Thanh Thủy			025526879
2	Nguyễn Thị Hậu	Thủ quỹ Phòng Kế toán	Không xác định thời hạn	01/11/2009	4704048862	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hậu	1003036135	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272569369
3	Đặng Văn Táo	Nhóm trưởng QC Nhà máy	Không xác định thời hạn	01/11/2009	4707178759	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đặng Văn Táo	1011319682	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272681294
4	Nguyễn Mạnh Hùng	Quản Đốc	Không xác định thời hạn	01/11/2009	4706068593	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Mạnh Hùng	1003035806	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	194313412
5	Nguyễn Thị Hương	CN Chuyên Người 1	Không xác định thời hạn	01/11/2009	7508168112	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hương	1011321489	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	131217884
6	Bùi Thị Chuyên	Tổ trưởng Kho vật tư - Thành phẩm	Không xác định thời hạn	01/11/2009	4705064420	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Bùi Thị Chuyên	1011411072	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272726045
7	Phạm Ngọc Hải	NV Kế Hoạch	Không xác định thời hạn	01/11/2009	7508190079	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Ngọc Hải	1011441330	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	271752223
8	Phan Văn Nhật	Phó Quản Đốc	Không xác định thời hạn	01/11/2009	7509137121	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phan Văn Nhật	1003035961	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	183618085
9	Phạm Văn Thiện	Tổ trưởng Tổ Rong Chép	Không xác định thời hạn	01/11/2009	4707079158	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Văn Thiện	1011632518	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	031022180
10	Hoàng Ngọc Cường	Xưởng Phó	Không xác định thời hạn	01/09/2010	7510194638	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hoàng Ngọc Cường	1011507533	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	164097586

11	Nguyễn Viết Thuận	NV QC Nhà máy	Không xác định thời hạn	01/07/2011	7511206959	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Viết Thuận	1011413180	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	186777730
12	Đường Thị Thanh	NV Kho Kho vật tư - Thành phẩm	Không xác định thời hạn	01/09/2010	7510194642	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đường Thị Thanh	1011440988	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	187109447
13	Nguyễn Thị Huyền	NV Kho Kho vật tư - Thành phẩm	Không xác định thời hạn	01/10/2013	7510194633	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Huyền	1011440946	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	183713333
14	Bùi Thị Thùy Anh	Kế toán tổng hợp	Không xác định thời hạn	01/11/2009	7510098066	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Bùi Thị Thùy Anh	1011319844	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272807118
15	Néang Đình	CN Tổ Rong Giép	Không xác định thời hạn	01/09/2010	7510194635	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Néang Đình	1011320969	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352202897
16	Nguyễn Thị Yến	CN Tổ Chuyên I	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177499	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Yến	1011411315	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	079170004100
17	Hồ Đình Thành	CN Tổ Đông gói - Sơn 1	Không xác định thời hạn	01/07/2011	7511206963	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hồ Đình Thành	1011320309	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	187209919
18	Néang Khuoml	CN Tổ Chuyên II	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118134	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Néang Khuoml	1011411988	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351325419
19	Chau Manh	Kỹ Thuật Chuyên Tổ Ghép Nan	Không xác định thời hạn	01/07/2011	7511206967	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Manh	1011397989	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352019927
20	Ngô Văn Mỹ	CN Chuyên Sơn 3	Không xác định thời hạn	01/07/2012	7512202937	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngô Văn Mỹ	1011320202	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	380989685
21	Lê Thị Mum	CN Tổ Chuyên Treo	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118138	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Mum	1011411920	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381049292
22	Ngô Văn Sơn	CN Tổ Lắp Ráp - Sơn 2	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118785	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngô Văn Sơn	1011319857	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	380837606
23	Bùi Hồng Châu	CN Tổ Chà Nhám Tinh 1	Không xác định thời hạn	01/07/2011	7511206957	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Bùi Hồng Châu	1011441055	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	370512396
24	Nguyễn Thị Kim Hồng	Nhóm trưởng Phòng Kinh Doanh	Không xác định thời hạn	01/07/2011	7511206955	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kim Hồng	1011397264	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272053476
25	Chau Sonl	CN Tổ Chuyên I	Không xác định thời hạn	01/07/2012	7512202940	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sonl	1011440386	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351764841
26	Đặng Thị Thanh	CN Chuyên Lắp Ráp 2	Không xác định thời hạn	01/10/2013	7513203595	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đặng Thị Thanh	1011397565	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	130901029

27	Nguyễn Phương	CN Tổ Chuyên II	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118146	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Phương	1011441068	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	350944394
28	Đặng Ngọc Thanh	CN Chuyên Lấp Ráp 2	Không xác định thời hạn	01/10/2013	7513203596	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đặng Ngọc Thanh	1011320370	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	130900916
29	Nguyễn Thế	CN Tổ Chuyên I	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516109203	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thế	1011832428	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352590774
30	Nguyễn Thià	CN Tổ Chuyên I	Không xác định thời hạn	01/04/2014	7514167718	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thià	1011411467	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352033672
31	Nguyễn Rươl	CN Chuyên Sơn 3	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7510098274	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Rươl	1011411904	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351494041
32	Chau Chanh Ny	CN Tổ Chuyên I	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118147	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Chanh Ny	1011440360	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352151605
33	Chau Kia	CN Tổ Rong Ghép	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118098	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Kia	1011397785	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	350801379
34	Nguyễn Phe	CN Tổ Rong Ghép	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118100	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Phe	1011397918	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351293246
35	Sơn Thanh Toàn	CN Chuyên Người 1	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118119	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Sơn Thanh Toàn	1011321557	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	365988169
36	Nguyễn Sóc Kha	CN Tổ Chà Nhâm Tinh 1	Không xác định thời hạn	01/09/2016	8012014026	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Sóc Kha	1011410947	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	350944370
37	Đặng Đình Hùng	Nhóm trưởng Tổ Lấp Ráp - Sơn 1	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118162	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đặng Đình Hùng	1011320134	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	132092174
38	Lê Văn Nghiễm	Kỹ Thuật Chuyên Chuyên Tinh 1	Không xác định thời hạn	01/11/2012	7512203250	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Văn Nghiễm	1011320642	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381246843
39	Lê Văn Thủy	CN Tổ Chuyên I	Không xác định thời hạn	01/07/2012	7512202941	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Văn Thủy	1011440551	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	380909889
40	Cao Thị út	CN Tổ Chuyên II	Không xác định thời hạn	01/07/2012	7512202942	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Cao Thị út	1011409039	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381408851
41	Bùi Lan Anh	Nhóm trưởng QC Nhà máy	Không xác định thời hạn	01/07/2012	4707178741	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Bùi Lan Anh	1011413122	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	276008534
42	Lê Huy	Kỹ Thuật Chuyên QC Gia Công	Không xác định thời hạn	01/07/2012	4703021416	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Huy	1011397426	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	151499040

43	Lý Văn Vi	Nhóm trưởng Tổ Rong Ghep	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118097	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lý Văn Vi	1011396993	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381814537
44	Trương Văn Phúc	Xưởng Trưởng	Không xác định thời hạn	01/04/2013	7910481077	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trương Văn Phúc	1011636239	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	186091269
45	Phạm Đình Nguyễn	CN Tổ Đông gói - Sơn 2	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118158	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Đình Nguyễn	1011319941	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	151632408
46	Trần Hồng Thắm	NV QC Nhà máy	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118120	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Hồng Thắm	1011413148	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	385649080
47	Chau Sum Bạch	CN Chuyển Tinh 2	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118126	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sum Bạch	1011440496	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351178843
48	Đinh Đức Trọng	Kế toán trưởng	Không xác định thời hạn	01/02/2013	4796012816	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đinh Đức Trọng	1002809923	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	270859711
49	Lê Văn Mạnh	NV Tổ mẫu	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118112	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Văn Mạnh	1011319352	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	174075066
50	Châu Vi	CN Tổ Chà Nhảm Tinh 2	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118722	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Châu Vi	1011441602	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351201199
51	Nguyễn Văn Đức	Nhóm trưởng Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	7508172554	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Đức	1011441466	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	371353348
52	Nguyễn Thị Ngân	NV QC Nhà máy	Không xác định thời hạn	01/04/2014	7508147686	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ngân	1011397167	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	131290714
53	Huỳnh Văn Hiếu	NV QC Nhà máy	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118115	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Văn Hiếu	1011397206	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381735719
54	Thị Hồng Gấm	CN Tổ Chuyển I	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118789	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Thị Hồng Gấm	1011440519	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	371559561
55	Lâm Văn Bé	CN Tổ Chà Nhảm Tinh 1	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118108	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lâm Văn Bé	1011441123	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381731239
56	Phan Thị Ty	CN Tổ Đông gói - Sơn 1	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118159	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phan Thị Ty	1011320341	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272189734
57	Võ Thị Lan	CN Tổ Ghep Nan	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7510073696	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Võ Thị Lan	1011413452	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352043381
58	Dương Văn Phương Hồng Thanh	Nhóm trưởng Tổ Ghep Nan	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118131	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Dương Văn Phương Hồng Thanh	1011320383	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352123928

59	Tạ Hoài Thương	CN Tổ Chà Nhân Tinh 2	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118723	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Tạ Hoài Thương	1011441165	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	380863666
60	Nhìn Mậu An	Tổ trưởng Tổ cơ điện-bảo trì	Không xác định thời hạn	01/03/2013	7513167503	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nhìn Mậu An	1011397507	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	271444720
61	Lê Văn Chiến	CN Chuyên Tinh 1	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118729	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Văn Chiến	1011414134	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	380916926
62	Ngô Thị Cẩm	CN Tổ Đông gói - Sơn 1	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118160	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngô Thị Cẩm	1011320244	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381543073
63	Ngô Anh Hậu	CN Tổ Đông gói - Sơn 1	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118161	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngô Anh Hậu	1011320257	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381543152
64	Nguyễn Văn Hùng	Xưởng Trưởng	Không xác định thời hạn	01/06/2014	7514167935	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hùng	1011396935	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	194121442
65	Hồ Văn Tho	CN Tổ Lén Cont	Không xác định thời hạn	01/04/2014	7514167714	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hồ Văn Tho	1011319255	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	371181399
66	Ngàng Sơ Mương	CN Chuyên Người 1	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118746	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngàng Sơ Mương	1011321450	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351622235
67	Ngô Mỹ Thanh	CN Tổ Chuyên 1	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118150	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngô Mỹ Thanh	1011411519	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	380989699
68	Trần Quốc Trị	Nhóm trưởng Tổ Đóng gói - Sơn 2	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7514072517	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Quốc Trị	1011441000	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381500977
69	Ngàng Thị Lan	CN Chuyên Người 2	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118121	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngàng Thị Lan	1011410837	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351377204
70	Đặng Thị Trinh	CN Chuyên Người 2	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118125	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đặng Thị Trinh	1011441194	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381192356
71	Nguyễn Thanh Tươi	Nhóm trưởng Tổ Lén Cont	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118164	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Tươi	1011320354	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381601852
72	Dương Quang Cảnh	CN Tổ Chuyên II	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118141	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Dương Quang Cảnh	1011411975	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	191181701
73	Trần Văn Thanh	Quản Đốc	Không xác định thời hạn	01/10/2013	7510002897	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Văn Thanh	1011441356	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	121361055
74	Huỳnh Kim Phụng	NV QC Nhà máy	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118153	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Kim Phụng	1011520918	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381526844

75	Lê Trường An	Tổ trưởng Tổ Thống Kê	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118123	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Trường An	1011441291	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381526906
76	Huỳnh Kim Phấn	CN Chuyển Lập Ráp I	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118130	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Kim Phấn	1011411726	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381481845
77	Lê Văn Dũng	Nhóm trưởng Tổ Chuyển Treo	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118154	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Văn Dũng	1011411470	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381481844
78	Trần Thị Hải Yến	NV Phòng Kế Hoạch	Không xác định thời hạn	01/10/2013	7513203599	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Hải Yến	1011441246	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272025035
79	Nguyễn Thanh Tiên	CN Tổ Chà Nhám Tinh I	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108956	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Tiên	1011441220	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	341265754
80	Nguyễn Thị Loan	CN Tổ Chuyển I	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	7514167722	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Loan	1011441097	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	370635463
81	Hồ Văn Tí	CN Tổ Chuyển II	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118143	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hồ Văn Tí	1011411991	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381610217
82	Vũ Văn Thế	NV bảo trì	Không xác định thời hạn	01/10/2013	7513203601	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Vũ Văn Thế	1011319404	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	036090001043
83	Nềang Địa	CN thợ sơn Tổ Chuyển II	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118753	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nềang Địa	1011412055	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352240826
84	Lê Trường Đô	CN Tổ Chuyển I	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118761	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Trường Đô	1011440412	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381846111
85	Chau Bônł	CN Tổ Chuyển I	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	7515118762	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Bônł	1011440302	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351904385
86	Trần Hùng Cường	CN Tổ Rong Ghép	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118716	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Hùng Cường	1011320875	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	380958746
87	Nềang Dang	CN Chuyển Người I	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7510165671	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nềang Dang	1011412712	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352033759
88	Trần Thị Kiệp	CN Chuyển Người I	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118748	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Kiệp	1011412767	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	380830953
89	Nguyễn Thị Tươi	CN Chuyển Sơn 3	0	00/01/1900	7515118763	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Tươi	1011411344	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	182337009
90	Trương Văn Nhi	Nhóm trưởng Tổ Finger	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108949	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trương Văn Nhi	1011398111	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	385603859

91	Ngô Thị Diệu	CN Tổ Chà Nhâm Tỉnh 1	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108957	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngô Thị Diệu	1011410918	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381928232
92	Nguyễn Quốc Tinh	CN Chuyên Người 1	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118751	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Quốc Tinh	1011321382	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381033246
93	Lý Thị Lor	Nhóm tương Chuyền Tỉnh 1	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118731	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lý Thị Lor	1011396896	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	366382419
94	Thạch Thị Suome	CN Tổ Rong Ghep	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118724	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Thạch Thị Suome	1011397031	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	334798539
95	Thạch Bưởi	CN Tổ Rong Ghep	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7512202798	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Thạch Bưởi	1011320914	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	334205073
96	Liêng Văn Diên	Tổ tương Chuyền Tỉnh 2	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118732	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Liêng Văn Diên	1011440755	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	365501006
97	Nguyễn Thị Ánh Loan	CN Tổ Cắt Phoi	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118718	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ánh Loan	1011397633	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272205660
98	Đặng Tư Hải	CN Tổ Cắt Phoi	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118734	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đặng Tư Hải	1011397141	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272031420
99	Trần Văn Ninh	CN Tổ Cắt Phoi	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108950	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Văn Ninh	1011321285	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	037062000919
100	Chau Nánh	CN Chuyền Người 2	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118773	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Nánh	1011441961	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351075825
101	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	NV Nhân sự-HC	Không xác định thời hạn	01/10/2013	4704038105	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	1011413245	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	113028979
102	Nguyễn Thị Mỹ Em	CN Tổ Chuyền II	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118776	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mỹ Em	1011440593	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	362465692
103	Nguyễn Văn Nguyễn	Nhóm tương Chuyền Tỉnh 1	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118735	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Nguyễn	1011397028	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	174836705
104	Ngàng Vây	CN Chuyền Sơn 3	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118777	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngàng Vây	1011411917	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351128421
105	Ngàng Sóc Nhảy	CN Tổ Chuyền II	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118778	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngàng Sóc Nhảy	1011441437	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351907319
106	Trần Thị Phương	NV QC	Không xác định thời hạn	01/04/2014	7514167727	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Phương	1011319653	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	184018116

107	Nguyễn Văn Tuấn	CN Tổ Giếp Nan	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108979	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Tuấn	1011397552	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	361647637
108	Nguyễn Thị Thoa	CN Tổ mẫu	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118767	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thoa	1011319569	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	173339096
109	Lê Văn Sỹ	Tổ trưởng Tổ Cắt Phôi	Không xác định thời hạn	01/04/2014	7508147680	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Văn Sỹ	1011413119	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	026085006507
110	Chau Phuml	CN Tổ Đóng gói - Sơn 2	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118783	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Phuml	1011319983	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352136664
111	Tổng Duy Sơn	TP Phòng Kỹ Thuật	Không xác định thời hạn	01/04/2014	7514167725	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Tổng Duy Sơn	1011397332	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272536972
112	Chau Sin	CN Tổ Lắp Ráp - Sơn 2	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118784	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sin	1011319970	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	350792935
113	Hà Thị Thu Hoàn	Kỹ Thuật Chuyển Tổ Cắt Phôi	Không xác định thời hạn	01/04/2014	7510194647	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hà Thị Thu Hoàn	1011397756	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	132195243
114	Nàng Lét	CN Tổ Chuyển I	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118790	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nàng Lét	1011442261	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352252301
115	Phan Tường Việt Hung	Tổ trưởng Phòng Vật Tư, Đặt Hàng	Không xác định thời hạn	01/04/2014	7514167724	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phan Tường Việt Hung	1011397303	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	271620090
116	Nguyễn Văn Thái	Nhóm trưởng Chuyển Lắp Ráp 2	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516109008	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Thái	1011320406	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	385605679
117	Phạm Mỹ Xuyên	CN Tổ Chuyển I	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118791	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Mỹ Xuyên	1011411564	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381758670
118	Nàng Danh	CN Tổ Chuyển II	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7911471916	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nàng Danh	1011441534	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352128466
119	Nàng Nhảy	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7515118781	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nàng Nhảy	1011441495	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351907448
120	Nàng Cường	CN Tổ Chuyển I	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7508189904	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nàng Cường	1011440328	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351622134
121	Lưu Long	Tổ trưởng Tổ Chuyển II	Không xác định thời hạn	01/04/2014	7508147667	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lưu Long	1003907992	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264329176
122	Hà Khả Hùng	CN Tổ Chà Nhám Tĩnh I	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7511154704	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hà Khả Hùng	1011441262	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	173089963

123	Nguyễn Say Men	CN Chuyển Người 2	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108971	01/08/2021 01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Say Men	10111409055	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351698290
124	Nguyễn Đức	CN Tổ Chuyển 1	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118793	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Đức	10111442203	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351123093
125	Lê Thị Hương	CN Tổ Chuyển 1	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108999	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Hương	10111411593	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	173078155
126	Trần Thanh Nhanh	CN Chuyển Tinh 2	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118738	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thanh Nhanh	10111440674	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381627487
127	Phan Vũ Phương	CN Chuyển Tinh 1	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118772	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phan Vũ Phương	10111413232	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	271381579
128	Lê Thị Tiếng	CN Tổ Chuyển 1	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118794	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Tiếng	10111442193	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	385409268
129	Phạm Thanh Bình	CN Chuyển Lấp Ráp 2	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108983	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Thanh Bình	10111397604	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	365462085
130	Lâm Văn Đăng	Tổ trưởng Chuyển Lấp Ráp 2	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108984	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lâm Văn Đăng	10111397413	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381788267
131	Lê Thị Thủy	CN Tổ Đồng gói - Sơn 1	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7512180004	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Thủy	10111397390	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	173174115
132	Viên Thị Tiên	CN Chuyển Lấp Ráp 2	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108985	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Viên Thị Tiên	10111320419	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	370823039
133	Vũ Thành An	Chuyển Trưởng Chuyển Tinh 3	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118740	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Vũ Thành An	10111440771	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	380830972
134	Đặng Hồng Ly	CN Chuyển Lấp Ráp 2	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108987	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đặng Hồng Ly	10111397617	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	365394587
135	Nguyễn Bền	CN Tổ Chuyển 1	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516109002	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Bền	10111411506	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351241709
136	Nguyễn Duyên	CN Tổ mẫu	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7511154281	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Duyên	10111319530	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352123540
137	Lâm Thị Bích Kiều	Thống kê chuyển Lấp Ráp 3	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108940	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lâm Thị Bích Kiều	10111441107	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	371814530
138	Trương Thị Loan	CN Tổ Chuyển II	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108991	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trương Thị Loan	10111412194	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381316473

139	Chau Khét	CN Tổ Finger	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108955	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Khét	1011398030	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351622168
140	Neáng Kone	CN Tổ Cầu Phôi	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142286	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neáng Kone	1011397581	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351170277
141	Neáng Phanhl Na	CN Tổ Rong Ghép	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142287	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neáng Phanhl Na	1011320943	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352252737
142	Võ Kiều Loan	CN Tổ Finger	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118797	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Võ Kiều Loan	1011321104	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	385554542
143	Chau Quanh Nắc	CN Tổ Ghép Nan	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108941	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Quanh Nắc	1011440768	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352258819
144	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Thống kê chuyển Láp ráp 1	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108988	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	1011503359	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	363768202
145	Nguyễn Đắc Hiếu	NV bảo trì	Không xác định thời hạn	01/06/2014	7514167933	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Đắc Hiếu	1011440849	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	197186966
146	Nguyễn Thị Mỹ Hai	CN Tổ Tập Vụ	Xác định thời hạn 3 năm	01/09/2018	8925566177	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mỹ Hai	1011411014	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	350740262
147	Nguyễn Văn Lưỡn	CN Chuyển Tinh 1	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177447	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Lưỡn	1011396854	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381278601
148	Huỳnh Văn Chí	CN Chuyển Người 1	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108977	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Văn Chí	1011412686	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	371682653
149	Trần Văn Tháo	CN Chuyển Người 1	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177456	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Văn Tháo	1014716596	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352735049
150	Chau Chanh	CN Tổ Rong Ghép	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142288	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Chanh	1011397837	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351764961
151	Lê Văn Long	CN Tổ Chuyển 1	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516109003	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Văn Long	1011411357	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	197286966
152	Neang Sa Panl	CN Tổ Chà Nhảm Tinh 2	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142284	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neang Sa Panl	1011441259	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351207883
153	Neang Pếch Sa Ra	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	8925358568	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neang Pếch Sa Ra	1011441563	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352252576
154	Trần Thị Hương	CN Chuyển Người 3	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118799	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Hương	1011441408	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272358363

155	Trần Văn Mười	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7510196498	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Văn Mười	1011396838	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272358472
156	H" Li Ấp Niê	CN Tổ Finger	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177434	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H" Li Ấp Niê	1011321078	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240520356
157	Nguyễn Hồng Thu	CN Tổ Chuyên 1	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142344	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hồng Thu	1011440276	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381040749
158	Lương Văn Quê	CN Tổ Đóng gói - Sơn 1	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142357	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lương Văn Quê	1011320299	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	186182195
159	Nguyễn Thành Tài	CN Tổ Lắp Ráp - Sơn 1	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516109005	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thành Tài	1011320147	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	271461824
160	Nguyễn Sóc Muong	CN Chuyển Người 2	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142323	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Sóc Muong	1011412440	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352319545
161	Chau Prós	CN Tổ Chuyên 1	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142345	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Prós	1011440289	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352451094
162	Y - Jó Byă	CN Tổ Rong Ghép	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142291	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y - Jó Byă	1011396951	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241164940
163	Chau Giang	CN Tổ Chuyên 1	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142346	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Giang	1011444777	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352405733
164	Bùi Văn Tuấn	Kỹ Thuật Chuyển Chuyển Tinh 2	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108963	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Bùi Văn Tuấn	1011440483	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	261241871
165	Y Jó Byă	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	6624285207	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Jó Byă	1011396786	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241267446
166	Y - Yô Han Byă	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142329	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y - Yô Han Byă	1011320435	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241479645
167	Vũ Công Danh	Nhóm trưởng Chuyển Lắp Ráp 3	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177477	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Vũ Công Danh	1011412822	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381855092
168	Đinh Thị Quyên	NV QC Nhà máy	Không xác định thời hạn	01/06/2016	7516109202	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đinh Thị Quyên	1011442009	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	132258499
169	Đinh Văn Dũng	NV bảo trì	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118795	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đinh Văn Dũng	1011319462	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	194447012
170	Đặng Thị Oanh	CN Chuyển Người 2	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142317	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đặng Thị Oanh	1011440784	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	334396262

171	Lê Thị An	CN Chuyên Người 1	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142316	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị An	1011321492	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	341499333
172	Đặng Đức Minh	Tổ trưởng Chuyên Lắp Ráp 1	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7513203590	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đặng Đức Minh	1011440739	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	365925599
173	Chau Sa	Nhóm trưởng Chuyên Người 2	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7510098219	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sa	1011441589	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352033768
174	Lê Thị Kim Duyên	NV Phòng Vật Tư - Đặt Hàng	Không xác định thời hạn	01/09/2015	7515151530	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Kim Duyên	1011319750	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272053410
175	Lê Hữu Hậu	CN Tổ mẫu	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118713	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Hữu Hậu	1011319501	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	194017970
176	Trần Thị Hoa	NV QC Nhà máy	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7513167547	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Hoa	1011397183	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	184018119
177	Sa Ha	CN Tổ Finger	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142293	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Sa Ha	1011398137	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351736335
178	Neang Nắc	CN Chuyên Lắp Ráp 1	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142331	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neang Nắc	1011411739	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352136928
179	Chau Kim Sáng	CN Tổ Đóng gói - Sơn 2	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142341	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Kim Sáng	1011319996	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352452182
180	Nguyễn Gia Tấn	Trưởng bộ phận phòng dư án	Không xác định thời hạn	01/10/2015	7515152041	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Gia Tấn	1011319828	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272357897
181	Nguyễn Thị Nga	Kỹ Thuật Chuyên Tổ Cát Phôi	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7508230340	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Nga	1011321324	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	186843923
182	Chau Bóc	Kỹ Thuật Chuyên Chuyển Người 2	Không xác định thời hạn	01/09/2016	8012034657	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Bóc	1011441592	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352252216
183	Thạch Quân	CN Tổ Finger	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177435	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Thạch Quân	1011321081	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	365175568
184	Trần Thị Hương	CN Tổ Finger	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7516142319	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Hương	1011321036	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	063103428
185	Nguyễn Thị Kiều	CN Tổ Đóng gói - Sơn 1	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142359	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kiều	1011320215	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381543088
186	Chau Mương	CN Tổ Lén Cont	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142282	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Mương	1011319323	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351965282

187	Nguyễn Sóc Phôn	CN Chuyển Người 1	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7511154299	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Sóc Phôn	1011413274	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351582888
188	Chau Sóc Khươn1	CN Chuyển Người 2	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142324	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sóc Khươn1	1011412411	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352252735
189	Trần Thị Mỹ Thuận	NV QC	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177473	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Mỹ Thuận	1011412806	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352136646
190	Chau Bươn	CN Tổ Chuyển 1	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177436	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Bươn	1011411551	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352019935
191	Lê Kim Tiến	CN Tổ Chuyển 1	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142351	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Kim Tiến	1011411603	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381600715
192	Chau Kol	CN Tổ Lắp Ráp - Sơn 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	8925358574	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Kol	1011832541	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352451036
193	Huỳnh Văn Vui	CN Tổ Chuyển 1	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142352	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Văn Vui	1011411580	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381481747
194	Nearng Diêng	CN Tổ Chuyển 1	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	8925358576	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nearng Diêng	1011411522	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351293659
195	Nguyễn Như Quỳnh	NV Kế toán	Không xác định thời hạn	01/04/2016	7516109006	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Như Quỳnh	1011319598	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	197213918
196	Diệp Thị Thu Hà	CN Tổ Chuyển 11	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177487	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Diệp Thị Thu Hà	1011412204	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	365918837
197	Trần Minh Phụng	CN Tổ Lắp Ráp - Sơn 2	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177497	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Minh Phụng	1011320082	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381543766
198	Hồ Thúy Kiều	CN Tổ Chuyển 1	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177503	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hồ Thúy Kiều	1011411865	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381710839
199	Chau Thương	CN Tổ Chuyển 1	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	8014007202	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Thương	1011411409	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352252727
200	Nguyễn Thanh Tùng	CN Chuyển Người 1	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177460	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Tùng	1011321544	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	079070009297
201	H' Ái Aliô	CN Chuyển Người 1	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177462	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H' Ái Aliô	1011321476	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241505681
202	Y Rôka Ny Niê	CN Tổ Chuyển 1	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	6624285220	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Rôka Ny Niê	1011411441	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241141916

203	H A Bkrông	CN Tổ Chuyển II	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177491	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H A Bkrông	1011412097	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241157525
204	Ấu Văn Bé	CN Tổ Lên Cont	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177431	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ấu Văn Bé	1011319297	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381802103
205	Huỳnh Thị Bé Lớn	CN Tổ Chuyển II	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177492	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Bé Lớn	1011412314	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381481752
206	Trần Thị Văn Anh	NV Phòng Dự Án	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516109321	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Văn Anh	1011410824	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272325553
207	Nguyễn Thúy Phương	NV Phòng Kế Hoạch	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7915179935	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thúy Phương	1011412327	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	215251037
208	Trương Văn Hoàng	CN Chuyển Sơn 3	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177510	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trương Văn Hoàng	1011411328	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	186857345
209	Nguyễn Văn Tâm	CN Tổ Lắp Ráp - Sơn 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	7910128451	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Tâm	1011320150	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272805055
210	Dương Đình Bắc	CN Tổ Cất Phoi	Không xác định thời hạn	01/03/2017	0204220893	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Dương Đình Bắc	1011321337	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	183475776
211	Nguyễn Xuân Trinh	Nhóm trưởng Tổ Chuyển I	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177511	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Xuân Trinh	1011411386	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	194403911
212	Hoàng Văn Viên	CN Tổ Cất Phoi	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177443	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hoàng Văn Viên	1011321175	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241544906
213	Y Ngial Byă	CN Chuyển Nguội 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	6623302241	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Ngial Byă	1011412453	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241490062
214	Tô Quốc Long	Tổ phó Tổ cơ điện-bảo trì	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7515121538	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Tô Quốc Long	1011319433	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272645478
215	Phạm Văn Cường	Quản Đốc	Không xác định thời hạn	01/09/2016	9106145906	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Văn Cường	1011410895	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272530396
216	Vũ Thị Ngọc Như	Thống kê Tổ đóng gói sơn 1	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142361	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Vũ Thị Ngọc Như	1011320231	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264460989
217	Y Thông A Yun	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	6624285214	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Thông A Yun	1011412165	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240948520
218	Chau Crét	CN Chuyển Tinh 1	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	8925201195	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Crét	1011320710	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352033779

219	Chau Da Vuth	CN Tổ Lắp Ráp - Sơ 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	7414200497	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Da Vuth	1011320066	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352202971
220	Chau Phons	CN Tổ Chuyên 1	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	8923576403	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Phons	1011411661	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351201219
221	H Nguyệt Aliô	CN Tổ Đóng gói - Sơ 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	7513171218	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Nguyệt Aliô	1011320079	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240747489
222	Neang Kim On	CN Tổ Chà Nhám Tinh 1	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	8925358570	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neang Kim On	1011412369	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351149806
223	Đinh Thị Thanh Xuân	CN Tổ Rong Gấp	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	0203273236	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đinh Thị Thanh Xuân	1011320778	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272834467
224	Lăng Văn Phán	Chuyên Trưởng Chuyên Tinh 2	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177453	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lăng Văn Phán	1011411289	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272897274
225	Đặng Cẩm Tú	CN Tổ Rong Gấp	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7515118096	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đặng Cẩm Tú	1011396883	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381789025
226	Chau Si Mích	CN Chuyên Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	8925358587	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Si Mích	1011411153	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351981621
227	Chau Sura	CN Chuyên Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	7516144236	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sura	1011411166	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351628624
228	Y Kinh Ayun	CN Tổ Finger	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	6624285203	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Kinh Ayun	1011321023	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241381847
229	H' Thủy Bkrông	CN Chuyên Người 1	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	6624285209	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H' Thủy Bkrông	1011321421	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241770566
230	Bùi Văn Sương	CN Tổ Lăn Cont	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	5820102479	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Bùi Văn Sương	1011319284	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264080151
231	Mai Thị Lèo	CN Tổ Chuyên 1	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	9622921857	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Mai Thị Lèo	1011411438	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381529079
232	Lâm Thị Cẩm Muội	CN Tổ Chuyên II	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	9521697725	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lâm Thị Cẩm Muội	1011412398	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	385742761
233	Mai Long Hồ	CN Tổ Lắp Ráp - Sơ 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	7510098487	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Mai Long Hồ	1011319954	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	225631535
234	Y Sui Ên Ktul	CN Chuyên Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	6624285224	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Sui Ên Ktul	1011320325	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240747149

235	Y D Jori Niê	CN Tổ Chức Nhóm Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	6624285205	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y D Jori Niê	1011409136	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241155798
236	Đặng Đức Toàn	Nhóm trưởng Tổ mẫu	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	9423197220	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đặng Đức Toàn	1011319394	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	366110679
237	Lương Lưu Minh Hiển	NV Phòng Kỹ Thuật	Xác định thời hạn 3 năm	01/06/2017	7516178187	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lương Lưu Minh Hiển	1011319776	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272179864
238	Phan Văn Thái	NV QC	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	4220845728	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phan Văn Thái	1011411218	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	183713465
239	Nguyễn Oanh Ni	CN Tổ Chức Nhóm Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	7516145612	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Oanh Ni	1011409217	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351628669
240	Thái Thị Quyên	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	9622278412	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Thái Thị Quyên	1011409026	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381677061
241	Nguyễn Thị Duyên	CN Chuyển Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	9622954439	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Duyên	1011411797	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381911735
242	Nguyễn Văn Tiền	CN Tổ Chức	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	9122298954	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Tiền	1011321094	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	371915006
243	Ninh Quang Huy	NV Kinh Doanh	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2017	7516178526	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ninh Quang Huy	1011319721	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	250995998
244	Nguyễn Văn Hải	NV Phòng Kỹ Thuật	Xác định thời hạn 3 năm	01/09/2017	7526088752	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hải	1011411069	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	285347211
245	Nguyễn Thị Thúy Kiều	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	9622358564	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thúy Kiều	1011320503	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381518391
246	Lâm Đạo Viễn	Chuyển Trưởng Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	9622921853	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lâm Đạo Viễn	1011411195	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381506057
247	Mai Văn Sơn	CN Kho vật tư - Thành phẩm	Xác định thời hạn 3 năm	01/01/2018	7513203540	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Mai Văn Sơn	1011411056	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	271530175
248	Phạm Văn Lờ	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	8722779078	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Văn Lờ	1011411137	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	340752988
249	Trương Văn Dũng	CN Tổ Cấp Phôi	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	5820838224	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trương Văn Dũng	1011321308	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264180105
250	Võ Huy Dương	Trưởng Phòng Kế Hoạch	Xác định thời hạn 3 năm	01/09/2017	4704059125	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Võ Huy Dương	1011412330	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	197099734

251	Y Ter Eban	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	6623675978	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Ter Eban	1011507575	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241315898
252	Néang Nhane	CN Tổ Cải Phôi	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	8925516380	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Néang Nhane	1011321298	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352035177
253	Chau Chanh Ra	CN Chuyển Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	7508068639	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Chanh Ra	1011411836	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351149965
254	Néang Sóc Ny	CN Chuyển Tinh 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	8925516385	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Néang Sóc Ny	1011320600	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351149814
255	Y - Tiên Hđók	CN Tổ Đóng gói - Sơn 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	6624338076	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y - Tiên Hđók	1011320053	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241633788
256	Huỳnh Thu Sương	CN Tổ Chuyển 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	9422214930	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Thu Sương	1011411674	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	365779227
257	Y Suên Nié	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	6624338071	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Suên Nié	1011411755	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240480197
258	Nguyễn Văn Hòn	Chuyển Trưởng Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	7516108939	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hòn	1011411823	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	371595768
259	Nguyễn Thị Út	CN Chuyển Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7510158509	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị út	1011411768	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381627428
260	Chau Kươn	CN Tổ Đóng gói - Sơn 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	8923533379	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Kươn	1011320273	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351191863
261	Néang Khuonl	CN Tổ Chà Nhám Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	8925516383	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Néang Khuonl	1011409204	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352123450
262	Lâm Văn Rém	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	9621806699	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lâm Văn Rém	1011320561	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381978151
263	Y Nũa Mió	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	6624476329	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Nũa Mió	1011507339	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241718012
264	Chau Ra	CN Tổ Cải Phôi	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8923440256	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Ra	1011507957	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352518187
265	Chau Sóc Munn	CN Tổ Finger	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8923398291	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sóc Munn	1011508024	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352451071
266	Trần Kim Cương	CN Tổ Finger	Xác định thời hạn 3 năm	01/08/2018	7516108945	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Kim Cương	1011520772	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	385595958

267	Chau Thurol	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8923393296	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Thurol	1011632330	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352252215
268	Lâm Thị Cù	CN Chuyển Tỉnh 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	7526832153	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lâm Thị Cù	1011507397	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272026476
269	Chau Khiết	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8924832296	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Khiết	1011508422	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351965335
270	Ngàng Len	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8923412190	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngàng Len	1011508406	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352648465
271	Chau Chha Ny	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8923498961	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Chha Ny	1007822316	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352451008
272	Hứa Mỹ Như	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	8925516382	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hứa Mỹ Như	1011508477	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	366331478
273	Lê Thị Diệu	CN Tổ Chà Nhóm Tỉnh 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	7524516353	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Diệu	1011632398	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272263547
274	Y Kois Bkrông	CN Chuyển Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	6624274647	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Kois Bkrông	1011508943	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241663673
275	Chau Bót	CN Chuyển Tỉnh 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	8015012962	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Bót	1011520769	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352258782
276	Nàng Trúc	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8924796560	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nàng Trúc	1011507135	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352649946
277	Nàng Chanh Tha	CN Chuyển Sơn 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	8925688760	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nàng Chanh Tha	1011507119	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352518178
278	Phùng Văn Thuyền	Nhóm trưởng Chuyển Ngươi 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	7526767246	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phùng Văn Thuyền	1011507850	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	142518964
279	H Yô A Byă	CN Tổ Chuyển I	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	6622981834	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Yô A Byă	1011506903	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241718039
280	H Na Xê Ê-uôl	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	6623271768	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Na Xê Ê-uôl	1011507203	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241836136
281	Nguyễn Văn Phương	CN Chuyển Tỉnh 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	6021167021	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Phương	1011507384	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	261529613
282	Chau Phanl	CN Chuyển Tỉnh 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8925600369	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Phanl	1011507562	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351763049

283	Chau Pho La	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8923401294	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Pho La	1011507481	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351394437
284	Y Dheć Nié	CN Tổ Đồng gói 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	6623373631	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Dheć Nié	1011509337	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241905470
285	Nguyễn Văn Hiếu	CN Tổ Đồng gói 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	7526832353	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hiếu	1011411577	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381873719
286	H Miêng Byă	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	6622938186	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Miêng Byă	1011508891	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241635782
287	Trần Vũ Kha	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	9623049011	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Vũ Kha	1011507863	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381944131
288	Trần Văn Sáng	CN Chuyển Người 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	9623049009	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Văn Sáng	1011507795	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	380837620
289	H Nùng Byă	CN Chuyển Người 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	6623284481	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Nùng Byă	1011507805	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240578833
290	H Sara Byă	CN Chuyển Người 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	6623290836	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Sara Byă	1011507779	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241702769
291	H Tâm Êban	CN Chuyển Người 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	6623289068	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Tâm Êban	1011507876	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241860990
292	Néang Si Phon	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8925600358	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Néang Si Phon	1011508817	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351201286
293	Néang Chanh Ke	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	8925688764	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Néang Chanh Ke	1011508600	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351759083
294	Chau Koi Ly Bách	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8923545335	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Koi Ly Bách	1011508642	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351910007
295	Néang Giao	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8925600366	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Néang Giao	1011508901	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352284545
296	Nguyễn Văn Đức	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	2520441811	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Đức	1011508147	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	131417455
297	Đinh Thị Hạnh	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	2521288560	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đinh Thị Hạnh	1011508134	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	132195123
298	Tăng Tô Ni	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 3 năm	01/09/2019	9422433969	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Tăng Tô Ni	1011996296	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	366295796

299	Trần Thị Nga	NV Kho Kho vật tư - Thành phẩm	Xác định thời hạn 3 năm	01/08/2018	7526638978	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Nga	1011507517	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	271710822
300	Chau Sách	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	8925688773	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sách	1011507449	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352202649
301	Trần Minh Phúc	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	7511207413	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Minh Phúc	1011507070	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	194269407
302	Nguyễn Khắc Anh	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	7526266756	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Khắc Anh	1011520785	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	371206243
303	Mohame Daly	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8925600373	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Mohame Daly	1011508927	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352578253
304	Nguyễn Hoài An	NV mẫu	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8322243169	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hoài An	1011507287	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	321701484
305	Chau Quanh Nị	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	8923458047	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Quanh Nị	1008428117	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	089091001440
306	Ngàng Dên	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8923430119	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngàng Dên	1011507229	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351394634
307	Dương Thanh Trúc	CN Tổ Đóng gói 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/09/2019	7424226623	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Dương Thanh Trúc	1011509418	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	281303002
308	Chau Sa Váth	CN tổ lên cont	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	7516108190	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sa Váth	1011632408	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351492759
309	Nguyễn Tất Châu	CN Tổ Đóng gói - Sơn 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	4621559810	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Tất Châu	1011632576	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	190987599
310	Lê Kim Lầu	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	9622445642	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Kim Lầu	1011836437	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381481882
311	Trịnh Thị Lạnh	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2018	7515028458	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trịnh Thị Lạnh	1012018377	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381457090
312	Chau Rách Tha	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7511154238	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Rách Tha	1012276960	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352033455
313	Chau Bính Na Rít	CN Tổ Ghép Nan	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	8923539569	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Bính Na Rít	1012018131	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352198664
314	H Gai Ayũn	CN Tổ Chà nhám tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	6624476306	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Gai Ayũn	1011832392	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241233921

315	Bùi Văn Vinh	CN Tổ Cải Phôi	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	3820887528	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Bùi Văn Vinh	10111846045	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	173717403
316	Nguyễn Văn Nhỏ	CN Chuyển Lấp Ráp 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	8723278989	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Nhỏ	10111836615	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	340948625
317	Trịnh Minh Vàng	CN Chuyển Lấp Ráp 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	9623377565	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trịnh Minh Vàng	10111836628	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381526971
318	Nèang Dân	CN Chuyển Người 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	8925688768	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nèang Dân	10111836547	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351622035
319	Chau Sóc Kha	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	8923493147	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sóc Kha	1012277082	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351780548
320	Nèang Hiền	CN Chuyển Người 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	7516178495	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nèang Hiền	10111836550	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352526506
321	Chau Duoml	CN Tổ Cải Phôi	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	8925688750	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Duoml	10111836071	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352032391
322	Lê Thị Tuyết Hồng	CN Chuyển Tinh 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	9223103519	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Tuyết Hồng	10111836291	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	092183003585
323	Não Minh Đến	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	5820897671	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Não Minh Đến	1007437280	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264380646
324	Nèang Nưom	CN Tổ Rong ghép	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	8925688752	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nèang Nưom	1012018173	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352684227
325	Y Huóch Nié	CN Tổ Cải Phôi	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	7516178197	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Huóch Nié	1012017378	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241283189
326	Chau Rét	CN Chuyển Lấp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8925560133	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Rét	1018912134	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351293163
327	Phạm Văn Khoa	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	5820831651	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Văn Khoa	1009546836	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264286321
328	Hồ Minh Tâm	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	7523721728	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hồ Minh Tâm	1012018267	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272112811
329	Nguyễn Văn Thiên	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	9622020994	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Thiên	1012277053	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381633223
330	Trịnh Thị Oanh	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	9622120999	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trịnh Thị Oanh	1012277066	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381180636

331	Trương Thanh Tiếng	NV Kho	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	7514151057	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trương Thanh Tiếng	1012018270	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	341725124
332	Châu Văn Đĩnh	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	5820549953	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Châu Văn Đĩnh	1012018238	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264459857
333	Nguyễn Phan Ný	CN Chuyển Người 1	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	7515118774	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Phan Ný	1011412699	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352128161
334	Lê Văn Đựng	CN Tổ Finger	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	9222192378	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Văn Đựng	1012277118	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	092085000918
335	Chau Sóc Chanh	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	8925735235	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sóc Chanh	1012277383	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352451134
336	Nguyễn Thái	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	8923482590	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thái	1012276708	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352362542
337	Nguyễn Thái Hòa	NV bảo trì	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2018	7516177018	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thái Hòa	1013551846	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	271727210
338	Đinh Văn Hạnh	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	7516001839	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đinh Văn Hạnh	1012277464	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	132329659
339	Bích Nữ Phương	CN Tổ Chuyển I	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	5820424371	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Bích Nữ Phương	1013082726	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264414753
340	Nguyễn Thị Ngọc Chi	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	7513062288	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ngọc Chi	1013082658	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	361647234
341	H' Gru' Byă	CN Tổ Chuyển I	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	6623347161	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H' Gru' Byă	1013082742	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240947276
342	H Dhăch Byă	CN Tổ Chuyển I	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	6623238299	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Dhăch Byă	1013082755	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241283646
343	Nguyễn Chanh Thi	CN Tổ Chà Nhóm Tinh 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/09/2019	8923460312	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Chanh Thi	1013137752	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352249779
344	Đinh Thị Kim Oanh	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	2521294419	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đinh Thị Kim Oanh	1013082551	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	131547091
345	Vô Thị Thanh Thủy	CN Chuyển Người 3	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	9222173971	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Vô Thị Thanh Thủy	1013082865	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	089184000444
346	Nguyễn Văn Dài	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	9222231976	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Dài	1013551736	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	092087003743

347	Trần Thị Thu	CN Chuyên Tinh 3	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	7415112351	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Thu	1013082836	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351452725
348	Trần Văn Biển	Xưởng Trưởng Chuyên Tinh 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	7414000424	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Văn Biển	1011319695	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	186027943
349	Chau Duome	CN Tổ Đông gói - Sơn 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	8925124689	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Duome	1014095550	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352040781
350	Đỗ Hữu Dư	CN Chuyên Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	4705064338	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đỗ Hữu Dư	1013082629	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	270934109
351	Đỗ Hữu Dù	CN Chuyên Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	4705064339	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đỗ Hữu Dù	1013082616	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	270934111
352	Huỳnh Thị Huyền	CN Chuyên Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	9223158865	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Huyền	1013551684	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	089301000244
353	Lâm Thanh Mộng	CN Chuyên Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	9622028501	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lâm Thanh Mộng	1013551370	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381702332
354	Nguyễn Văn Tâm	CN Chuyên Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	8722780220	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Tâm	1013551396	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	340808531
355	Nguyễn Diễm Thúy	CN Chuyên Tinh 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	9222134252	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Diễm Thúy	1014095770	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	362053115
356	H' Nôãi Hwing	CN Chuyên Tinh 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	6623345626	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H' Nôãi Hwing	1014095372	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240578388
357	Chau Vang	CN Chuyên Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	8923454136	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Vang	1013652318	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352151771
358	Trần Hoàng Sinh	CN Chuyên Tinh 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	9622096986	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Hoàng Sinh	1013551765	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381599672
359	Thạch Thị Ngọc	CN Chuyên Người 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	842257609	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Thạch Thị Ngọc	1014095259	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	334887946
360	Y Suk Niê	CN Chuyên Tinh 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	6622262286	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Suk Niê	1014095385	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241850497
361	Từ Thị Mỹ Nương	CN Tổ Tap Vu	Xác định thời hạn 3 năm	01/09/2019	7526651063	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Từ Thị Mỹ Nương	1014716457	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	350944674
362	H Ei Aril	CN Chuyên Tinh 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	6622212838	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Ei Aril	1014095398	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241693769

363	Tổng Hải Tân	Trưởng phòng Phòng Nhân sự	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	4701015699	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Tổng Hải Tân	1013551833	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	271586898
364	Ngô Thị Kim Chi	CN Chuyên Ngụ 3	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	7516109241	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngô Thị Kim Chi	1013551626	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381242151
365	Nguyễn Văn Linh	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 3 năm	01/09/2019	7516107860	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Linh	1010681638	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352096359
366	Võ Văn Trường	CN Tổ Đóng gói 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/09/2019	9622341016	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Võ Văn Trường	1011509272	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381726673
367	Nguyễn Văn Thoại	CN Chuyên Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/09/2019	7423548720	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Thoại	1013551723	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351654659
368	Nguyễn Chanh Na	CN Chuyên Tinh 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2019	8015022574	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Chanh Na	1015861291	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352252430
369	Nguyễn Quanh	CN Tổ Chuyên II	Xác định thời hạn 3 năm	01/09/2019	7516200353	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Quanh	1014095505	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352619658
370	Nguyễn Ni	CN Chuyên Tinh 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/09/2019	8925508715	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Ni	1014095437	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352680042
371	Bùi Trần Toàn	NV Phòng Kỹ Thuật	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	5220908060	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Bùi Trần Toàn	1014095013	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	215350714
372	H Nang Niê	CN Chuyên Tinh 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/09/2019	6623275277	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Nang Niê	1011410581	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240936000
373	Nguyễn Đình	CN Tổ Đóng gói 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2019	7913310163	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Đình	1014103031	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352138961
374	Tăng Văn Xuyên	CN Tổ Cắt Phoi	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2019	8925096550	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Tăng Văn Xuyên	1014095039	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351697549
375	Hà Công Thái	CN Tổ Đóng gói 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2019	4420615106	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hà Công Thái	1011320189	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	194429348
376	Phạm Thị Tuyết	CN Tổ Chà Nhám Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2019	8925802862	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Thị Tuyết	1014095204	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351252981
377	Nguyễn Thị Bảy	CN Chuyên Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	7516199334	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Bảy	1014095220	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	340771867
378	Chau Thuron	Nhóm trưởng Chuyên Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2019	7516142332	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Thuron	1014095767	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352038125

379	Y Mon Ayün	CN Chuyên Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	6623318529	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Mon Ayün	1014716570	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241823329
380	Nàng Nay	CN Chuyên Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2019	8925141285	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nàng Nay	10147100128	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352123960
381	Y Ken Ayün	CN Tổ Cải Phôi	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2020	6623286958	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Ken Ayün	1014716473	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241869903
382	Lê Như Thùy Linh	Thống kê	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2020	5402001106	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Như Thùy Linh	1014095327	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	361826629
383	Y Ducl Eban	CN Tổ Chuyên Teo	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2019	6622632813	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Ducl Eban	1015006137	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241724766
384	Chau Chum	CN Tổ Chuyên 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2020	8923478628	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Chum	1015006108	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352591547
385	Ngô Văn Hợp	Nhóm tương Tô Cải Phôi	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2019	4216026562	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngô Văn Hợp	1015010961	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	183401097
386	Chau Chanh Nỳ	CN Tổ Đồng gói 3	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7516107871	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Chanh Nỳ	1014716965	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352500006
387	Nàng Sóc Ral	CN Tổ Tap Vu	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2019	8925119676	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nàng Sóc Ral	1014716460	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	350934520
388	Chau Vaene	CN Tổ Lên Cont	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2019	7510032762	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Vaene	1011413407	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351677679
389	Nàng Kim Tiên	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 3 năm	01/09/2019	7514168389	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nàng Kim Tiên	1014716538	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352258774
390	Tổng Mông Ước	CN Tổ Finger	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2019	9122725537	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Tổng Mông Ước	1011411098	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	371841713
391	Nàng Sóc Phiếp	CN Tổ Ghép Nạn	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2019	8925802863	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nàng Sóc Phiếp	1014731746	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352563651
392	Nguyễn Thị Tâm	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	7526964369	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Tâm	1014716541	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272375694
393	Nguyễn Vũ Bảo	CN Chuyên Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2020	9521427635	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Vũ Bảo	1015006153	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	385778386
394	Nguyễn Văn Tài	CN Tổ Finger	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2019	9122112856	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Tài	1012789499	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	371705025

395	Y Sor Niê	CN Chuyển Tinh 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2020	6623042397	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Sor Niê	1014716677	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241284550
396	H Lan Hdruê	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2019	6623449762	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Lan Hdruê	1015005921	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241081803
397	Neang Na Vy	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/11/2019	8925802861	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neang Na Vy	1015005882	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352735347
398	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	CN Tổ Cất Phôi	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2020	9122058578	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	1014716790	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	371908164
399	Y Ghâm Ayün	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2020	6623917076	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Ghâm Ayün	1015005963	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241775205
400	Lê Thị Thanh Thúy	CN Tổ Chà Nhâm Tinh 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2020	8923518879	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Thanh Thúy	1015005879	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351492018
401	Chau Than	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2020	8925670862	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Than	1015006425	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351910254
402	Y Mhik Bđap	CN Tổ Đóng gói 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2020	6623665389	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Mhik Bđap	1015006373	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241152739
403	Lê Thị Ngọc Vân	NV QC Nhà máy	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	7409273165	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Ngọc Vân	1011319666	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	280774665
404	H Ung Bkrông	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2020	6623609790	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Ung Bkrông	1015006470	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241567491
405	Neang Kim Hương	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	8923398991	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neang Kim Hương	1015287891	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352312389
406	Neang Ưoml	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	8924636109	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neang Ưoml	1015005853	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352717536
407	Nguyễn Lâm Liễu Huệ	CN Tổ Chuyển I	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	9221301790	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Lâm Liễu Huệ	1015006522	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	092174000712
408	Mai Văn Quan	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	9122436448	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Mai Văn Quan	1007436414	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	371827857
409	Ngô Quốc Toàn	CN Tổ Đóng gói - Sơn 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	9623049008	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngô Quốc Toàn	1011509256	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381543122
410	H Uyên Niê	CN Chuyển Tinh 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	6624281697	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Uyên Niê	1015288007	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241880814

411	Nguyễn Thị Loan	CN Tổ Tập Vụ	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	3822648018	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Loan	1015313817	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	172052359
412	Nguyễn Văn Hiền	CN Tổ Rong Giep	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	7510004903	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hiền	1015940866	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272156554
413	Nguyễn Thị Ngân	CN Chuyển Tinh 2	Không xác định thời hạn	01/04/2014	8723793510	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ngân	1015940879	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	341432166
414	Thái Văn Dũng	CN Tổ Cãi Phoi	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	4797079291	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Thái Văn Dũng	1017725089	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	271408553
415	Nguyễn Thị Bé Bảy	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	9222226180	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Bé Bảy	1015940882	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	092170000851
416	Thạch Thị Liên	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	9622348392	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Thạch Thị Liên	1011409107	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381442085
417	Thái Văn Duyên	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	9622369705	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Thái Văn Duyên	1011412385	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381442282
418	Nguyễn Trọng Hà	Trưởng QC Nhà máy	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	4704008460	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Trọng Hà	1016610470	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272438138
419	Lê Cẩm Tiên	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	7021773804	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Cẩm Tiên	1015940989	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	285785536
420	Đinh Ngọc Thiện	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	9321542686	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đinh Ngọc Thiện	1017203093	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	363629765
421	Chau Ri Dene	CN Tổ Rong Giep	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	8923586823	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Ri Dene	1015940837	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352747377
422	H Nguyễn Niê	CN Chuyển Tinh 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	6624216510	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Nguyễn Niê	1017692057	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240492731
423	Lâm Văn Diệp	CN Chuyển Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	9621858106	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lâm Văn Diệp	1017202780	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381931326
424	Chau Thuôi	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	8925600359	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Thuôi	1011508558	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352475529
425	Ngàng Diel	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	8015029935	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngàng Diel	1017203378	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352033807
426	Hoàng Quốc Việt	NV Tổ mẫu	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	3824796324	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hoàng Quốc Việt	1015940730	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	172346097

427	Nguyễn Xuân Linh	CN Tổ Đồng gói 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	4420629964	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Xuân Linh	1017203213	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	044093004211
428	H Bhuñ Niê	CN Chuyển Lấp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	6622214989	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Bhuñ Niê	1011832389	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241245110
429	Y San Ayũn	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	6622693163	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y San Ayũn	1015941027	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241648548
430	H Liêp Niê	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2020	6624264787	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Liêp Niê	1008426588	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240948472
431	H Tuel Byă	CN Tổ Chuyển I	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2018	6624338073	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Tuel Byă	1011506893	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241869187
432	Trần Minh Dương	CN Tổ Đồng gói - Sơn 1	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177514	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Minh Dương	1011320312	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381727978
433	Vũ Văn Bình Nguyễn	Trợ lý TGD	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	7508118819	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Vũ Văn Bình Nguyễn	1017202502	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	271400826
434	Lê Thành Long	CN Tổ mẫu	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	1020803091	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thành Long	1012018241	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	063570919
435	Huỳnh Nhật Tinh	NV bảo trì	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	5820832854	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Nhật Tinh	1017202531	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264430755
436	Y Kũi KPor	CN Tổ Cất Phoi	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	6623228444	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Kũi KPor	1017508387	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241821860
437	Cao Thị Châu Đoan	CN Chuyển Lấp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	9521215040	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Cao Thị Châu Đoan	1017202560	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	385679510
438	Lâm Thị Vượng	CN Chuyển Lấp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	7515118771	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lâm Thị Vượng	1011321269	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	366140154
439	Hồ Sỹ Hùng	CN Chuyển Lấp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	4023118809	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hồ Sỹ Hùng	1011507083	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	187604292
440	Y Ôri Ktla	CN Chuyển Lấp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	6622641651	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Ôri Ktla	1017202599	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241343292
441	Đinh Kim Huống	CN Chuyển Lấp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	9622277500	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đinh Kim Huống	1015940824	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381198831
442	Chau Khén	CN Chuyển Tinh 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	8924561917	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Khén	1017202926	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	350712955

443	Y Văn Hra	CN Tổ Cắt Phôi	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	6622625746	01/08/2021 01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Văn Hra	1017509111	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241775453
444	H Ly Niê	CN Tổ Cắt Phôi	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	6623885343	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Ly Niê	1017202939	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241778854
445	Y Khang BkRông	CN Tổ Finger	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	6623008816	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Khang BkRông	1017202942	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241984754
446	Y Naih K'Rông	CN Tổ Finger	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	6624387043	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Naih K'Rông	1017202955	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241849277
447	Nèang Chanh Ru	CN Tổ Ghép Nan	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	7516177433	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nèang Chanh Ru	1007417035	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352123508
448	Trịnh Thị Tố	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	7527007127	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trịnh Thị Tố	1017203019	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381599673
449	Chau Pỉnh	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	8925688755	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Pỉnh	1011832651	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352451095
450	Chau Lân	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	7516142305	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Lân	1011440616	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	350944538
451	Phan Thị Đan	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	7526084878	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phan Thị Đan	1014095291	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	371820474
452	Nguyễn Văn Bé Tư	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	9321946501	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Bé Tư	1014095288	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	363967460
453	Chau Sóc Ny	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	8923542970	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sóc Ny	1017202793	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352151666
454	H Nhực Êban	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	6623966762	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Nhực Êban	1017202829	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	242004368
455	H Diên Êban	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	7514202727	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Diên Êban	1017202832	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241712178
456	Kiêu Dương Hóa	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	9622661637	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Kiêu Dương Hóa	1017692002	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381953815
457	Y - Thới	CN Chuyển Người 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	6721333884	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y - Thới	1017692060	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	245021971
458	Chau Rích	CN Chuyển Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	8925148429	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Rích	1017202900	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352151671

459	Chau Sinh	CN Chuyển Tỉnh 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	8923539675	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sinh	1017692086	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352694713
460	Phạm Thị Cúc	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	7509081425	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Thị Cúc	1017202913	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272069449
461	H Liu Niê	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	6623405328	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Liu Niê	1018911889	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241895007
462	Chau BônI	CN Tổ Lắp Ráp - Sơn 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	7516176926	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau BônI	1017203129	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351541470
463	H Ha Byă	CN Tổ Chuyển I	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	6623322677	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Ha Byă	1017203132	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241283087
464	H Ćư MLô	CN Tổ Chuyển I	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	6622684928	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Ćư MLô	1017203145	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241602617
465	H Rúp Niê	CN Tổ Chuyển I	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	6622634844	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Rúp Niê	1017203158	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241776946
466	Huỳnh Văn Đăng	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	7516177504	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Văn Đăng	1011411645	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381481751
467	Chau Phi Na	CN Tổ Đóng gói 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	8923485361	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Phi Na	1017508251	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352252436
468	Nguyễn Văn Phúc	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	9222231974	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Phúc	1013551697	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	092200007678
469	Nguyễn Minh Dương	CN Chuyển Tỉnh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/10/2020	9622203300	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Minh Dương	1013551781	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381729067
470	Ngô Văn Bình	NV mẫu	Xác định thời hạn 1 năm	01/09/2020	4707032936	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngô Văn Bình	1015940727	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	001071001446
471	H Muôi Niê	CN Tổ Finger	Xác định thời hạn 3 năm	01/09/2019	6623375134	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Muôi Niê	1013551257	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241267292
472	Lê Minh Hoàng	CN Tổ Lén Cont	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	9622921849	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Minh Hoàng	1011319226	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381922769
473	Vô Văn Dương	CN Tổ Lén Cont	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	9622324630	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Vô Văn Dương	1014716431	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381766963
474	Đinh Kim Khánh	NV bảo trì Tổ cơ điện-bảo trì	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	2521288986	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đinh Kim Khánh	1015940743	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	131201453

475	Mai	CN Tổ Cầu Phôi	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	6623228852	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Mai	1017186288	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241895819
476	Y Rô Ni Kpor	CN Tổ Cầu Phôi	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	6623254847	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Rô Ni Kpor	1011833388	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241820342
477	Chau Sôm Ma Kia	CN Tổ Cầu Phôi	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	7516142299	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sôm Ma Kia	1011321366	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352039003
478	La Văn Bình	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	7516199489	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	La Văn Bình	1011345245	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264470542
479	Đào Thị Thanh Minh	CN Tổ Chà Nhâm Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	7516142315	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đào Thị Thanh Minh	1011412958	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264361355
480	Bông Văn Đại	CN Chuyển Lấp Ráp 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	9623089544	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Bông Văn Đại	1017291270	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	382031081
481	Nguyễn Hoàng Hân	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	9222188508	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Hân	1012277451	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	092087003296
482	Phạm Bích Thủy	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	9622451441	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Bích Thủy	1011832570	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381802617
483	Nguyễn Vũ Phong	CN Chuyển Lấp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	9423257383	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Vũ Phong	1017202858	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	366028674
484	Lâm Văn Tín	CN Chuyển Lấp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	5820571220	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lâm Văn Tín	1017202861	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264525826
485	Y Kiếp Byă	CN Chuyển Lấp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	6622650822	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Kiếp Byă	1017202887	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241604361
486	Y Rôp Byă	CN Chuyển Tinh 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	6624539813	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Rôp Byă	1017692109	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241318125
487	Lê Thị Hằng	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	9622920186	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Hằng	1017291254	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381562998
488	Y Dêi Ayün	CN Tổ Đồng gói - Sơn 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	6622698749	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Dêi Ayün	1017203103	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241842458
489	H- Sìn Byă	CN Tổ Chuyển I	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	6623423982	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H- Sìn Byă	1017203174	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240924097
490	Trần Thị Thanh Thủy	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	4216087030	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Thanh Thủy	1017291364	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	184109485

491	Trương Văn Lã	NV QC	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	4016999750	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trương Văn Lã	1011411548	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	187104473
492	Nguyễn Thị Mười	CN Chuyển Sỡ 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	6021107520	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mười	1017291380	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	260613321
493	Vạn Tánh	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/11/2020	5820885956	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Vạn Tánh	1009546331	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264197221
494	Nguyễn Thị Thủy	CN Chuyển Tinh 1	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	9321946506	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thủy	1015006564	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	363677098
495	Lý Bích Hạnh	CN Chuyển Người 2	Không xác định thời hạn	01/09/2016	7516142322	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lý Bích Hạnh	1011441372	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351915108
496	Chau Thu Thon	Kỹ Thuật Chuyển tinh 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	8923396044	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Thu Thon	1011632495	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351704967
497	Ngang Chanh Ra	CN Tổ Chuyển II	Không xác định thời hạn	01/07/2011	7515118135	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngang Chanh Ra	1011411962	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351764801
498	Nguyễn Đình Phương	NV Tài xế	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7514029548	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Đình Phương	1017291539	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	271436655
499	Nguyễn Văn Nhân	Xưởng Phó Xưởng Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7508202642	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Nhân	1017508358	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	038078006086
500	Nguyễn Chí Cường	NV Phòng Kỹ Thuật	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	5220890639	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Chí Cường	1017691919	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	215438885
501	Vũ Ngọc Thúy Hoa	NV Phòng Kinh Doanh	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7916271507	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Vũ Ngọc Thúy Hoa	1017691906	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272428617
502	Nguyễn Thị Thu Thảo	NV Phòng Kinh Doanh	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	5420005153	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thu Thảo	1017691896	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	221423931
503	Nguyễn Thị Bích Hằng	NV Phòng Kinh Doanh	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	4707127276	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Bích Hằng	1018508179	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272638509
504	Chau Som Ônl	CN Tổ Lên Cont	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7516108438	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Som Ônl	1017508361	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351622543
505	Chau Bít Ky	CN Tổ Cát Phoi	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7509128149	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Bít Ky	1011321230	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351716784
506	Hồ Văn Sơn	CN Tổ Cát Phoi	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9622995162	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hồ Văn Sơn	1011507999	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381431549

507	Huỳnh Văn Hiền	CN Tổ Finger	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9321372430	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Văn Hiền	1017933004	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	363504350
508	Chau Sóc Thi	CN Tổ Ghep Nan	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	8923631404	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sóc Thi	1010838685	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352527629
509	Y Sa Rat Mlô	CN Tổ Ghep Nan	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6622793783	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Sa rat Mlô	1018826479	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241706263
510	H Muong Niê	CN Tổ Ghep Nan	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6622570029	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Muong Niê	1017662430	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241648618
511	Đổng Văn Khoa	CN Tổ Rong Ghep	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6814011224	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đổng Văn Khoa	1017202984	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264382313
512	H Nang Byă	CN Tổ Rong Ghep	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6624003281	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Nang Byă	1017033263	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241821859
513	Bùi Thị Nhân	CN Tổ Rong Ghep	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	1720862956	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Bùi Thị Nhân	1017933059	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	113690233
514	H Nui Niê	CN Tổ Rong Ghep	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6623001110	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Nui Niê	1017933062	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240995352
515	Y Ton Mlô	CN Tổ Rong Ghep	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6624388685	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Ton Mlô	10179332953	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240705229
516	Ngô Thị Phương	CN Tổ Rong Ghep	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	8925338327	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngô Thị Phương	1018508234	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	192028314
517	Hồ Thị Thu	CN Tổ Rong Ghep	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9621746769	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hồ Thị Thu	10179332911	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381506063
518	Lê Minh Tiến	CN Tổ Chả Nhâm Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9621564130	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Minh Tiến	1018641777	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	380999646
519	Phạm Phước Cường	CN Tổ Chả Nhâm Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9222160891	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Phước Cường	10179332966	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	361647851
520	Nêang Ny	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	8923447651	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nêang Ny	1017691838	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352591401
521	Danh Thị Oanh	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9623049004	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Danh Thị Oanh	1011832305	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381935171
522	Bùi Thị Hạnh	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	1720679605	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Bùi Thị Hạnh	1017932733	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	113692364

523	Nguyễn Thị Út	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9223017695	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Út	1017932937	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	092174002770
524	Lê Quốc Đình	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9321464533	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Quốc Đình	1017203048	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	364236902
525	Y Thâm Bkrông	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6623278045	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Thâm Bkrông	1017691870	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241920399
526	Chau Chumrl	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	8923460234	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Chumrl	1012374930	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352451892
527	Lý Văn Tùng	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9621721531	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lý Văn Tùng	1012276892	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381731254
528	Trương Văn Tầm	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	5820933612	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trương Văn Tầm	1018508140	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264425421
529	Y - Miệp Niê	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6622646225	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y - Miệp Niê	1018826783	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241601435
530	Dương Văn Cường	CN Chuyển Tỉnh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	8923536979	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Dương Văn Cường	1015005976	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351340697
531	Đinh Thị Thủy	CN Chuyển Tỉnh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	2521733223	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đinh Thị Thủy	1011411250	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	131196536
532	Trần Thành Công	CN Chuyển Tỉnh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	8322285290	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thành Công	1017291335	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	320951021
533	K' Hốp	CN Chuyển Tỉnh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7524231846	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	K' Hốp	1018826466	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272232810
534	Kim Thanh Ngân	CN Chuyển Tỉnh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9121896277	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Kim Thanh Ngân	1016859299	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	371803048
535	Lê Thành Luân	CN Chuyển Tỉnh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6622587999	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thành Luân	1018826495	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241446791
536	Chau Út	CN Chuyển Tỉnh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	8923499420	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Út	1017932843	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351833068
537	Trần Ngọc Vinh	CN Chuyển Tỉnh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7937287144	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Ngọc Vinh	1018511085	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	022953303
538	Đặng Văn Tiến	CN Chuyển Tỉnh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	5620701966	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đặng Văn Tiến	1018508218	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	220808714

539	H Wai Byă	CN Chuyển Người 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6623494296	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Wai Byă	1012582667	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241564682
540	H Phiam	CN Chuyển Người 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6720935815	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Phiam	1017203077	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	245478513
541	H Anh Nié	CN Chuyển Người 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6622568623	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Anh Nié	1017933091	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241065885
542	Nguyễn Hoàng Khang	CN Chuyển Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9423258672	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Khang	1017692044	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	366015179
543	Nguyễn Văn Lai	CN Chuyển Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7526643557	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Lai	1017508196	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381766134
544	Chau Phi Runh	CN Chuyển Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	8925409390	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Phi Runh	1016127620	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352709344
545	Y Doanh Byă	CN Chuyển Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6623404494	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Doanh Byă			241966826
546	Y Sik Nié	CN Chuyển Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6622007265	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Sik Nié	1017933101	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241342453
547	Nguyễn Văn Hiền	CN Chuyển Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/08/2020	9321150195	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hiền	1017932924	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	363836411
548	Chau Cung	CN Chuyển 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	8925641815	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Cung	1017932908	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351960643
549	H Ly Na Ê Ban	CN Chuyển 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	802367585	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Ly Na Ê Ban	1017692073	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241847058
550	H Jani Knul	CN Chuyển 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6622249958	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Jani Knul	1017692112	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241112144
551	Chau Na	CN Chuyển 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7516108182	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Na	1018911902	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351493795
552	Nguyễn Quốc Hùng	CN Chuyển 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9122304379	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Quốc Hùng	1018911915	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	370939605
553	Nguyễn Hoài Thanh	CN Chuyển 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	8222566043	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hoài Thanh	1017691663	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	312250342
554	Nguyễn Chí Tâm	CN Chuyển 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	8908015762	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Chí Tâm	1017691692	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351594392

555	Chau Rách	CN Chuyển Tinh 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	8016016109	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Rách	1007547659	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352258807
556	Viếng Văn Inh	CN Chuyển Tinh 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	4016066944	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Viếng Văn Inh	1017933114	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	186566056
557	Năng Xuân Khánh	CN Chuyển Tinh 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	5820573014	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Năng Xuân Khánh	1017932759	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264524182
558	Neàng Na Qui	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7910334932	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neàng Na Qui	1017291445	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351822801
559	Dương Thị Hội	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	3824692753	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Dương Thị Hội	1017691993	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	038195005253
560	Neàng Nô Ra	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7515151905	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neàng Nô Ra	1011412042	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351766006
561	H' Rio Kpor	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6623405685	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H' Rio Kpor	1017508316	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	242049002
562	H Ngung Niê	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6623243990	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Ngung Niê	1017508329	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	242034513
563	H Jue Niê	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6623231431	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Jue Niê	1017691605	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241425838
564	Chau Giàu	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	8923495093	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Giàu	1018826770	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352626768
565	H Mân Niê	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6623919065	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Mân Niê	1017933172	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241841723
566	H Đâm Niê	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6624208636	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Đâm Niê	1015006302	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241850516
567	Dương Thị Hằng	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9521132477	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Dương Thị Hằng	1018508182	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	385266132
568	Vô Văn Cảnh	CN Tổ Đồng gói - Sơn 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9622413247	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Vô Văn Cảnh	1018826505	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381726671
569	Lưu Bình Thủ	CN Tổ Lắp Ráp - Sơn 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	5820683496	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lưu Bình Thủ	1018508195	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264456062
570	Neang Vuol	CN Tổ Chuyển I	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	8925600365	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neang Vuol	1011508613	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351508264

571	Phan Thị Thanh Thủy	CN Tổ Chuyên 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7516173555	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phan Thị Thanh Thủy	1017691728	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	191135824
572	Huỳnh Trung Tín	CN Tổ Đông gói - Sơn 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9622350728	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Trung Tín	1017508248	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	382031926
573	Lê Minh Sơn	CN Tổ Đông gói - Sơn 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7515118788	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Minh Sơn	1011320105	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381662554
574	Y Phím Niê	CN Chuyên Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6622225362	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Phím Niê	1017691744	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241860985
575	H Huệ Niê	CN Chuyên Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6624499666	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Huệ Niê	1017932940	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240492716
576	Ngô Thị Nhanh	CN Chuyên Người 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9622066590	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngô Thị Nhanh	1013551451	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381998390
577	Trần Thị Thanh Mến	CN Chuyên Người 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	5621696074	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Thanh Mến	1017932995	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	221457023
578	Huỳnh Văn Tân	CN Chuyên Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9622441506	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Văn Tân	1013551668	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381958088
579	Trần Đức Phú	CN Chuyên Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	5620746111	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Đức Phú	1017508332	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	225615734
580	Nguyễn Thị Thảo	CN Chuyên Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	1720085698	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thảo	1017691634	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	184383559
581	Chau Chanh Ny	CN Chuyên Lắp Ráp 3	Không xác định thời hạn	01/04/2015	8923408149	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Chanh Ny	1017933208	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352708410
582	Lê Minh Tín	CN Chuyên Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7916524513	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Minh Tín	1017932856	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	225602884
583	Bùi Văn Nhật	CN Chuyên Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	1720683009	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Bùi Văn Nhật	1017932788	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	113533399
584	Nguyễn Thị Kim Thoa	CN Chuyên Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	5620774660	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kim Thoa	1017932746	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	225061456
585	Lưu Hoàng Vũ	CN Chuyên Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9421605449	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lưu Hoàng Vũ	1017932827	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	365144458
586	H Cẩm Niê	CN Chuyên Tỉnh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6623395963	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Cẩm Niê	1017691977	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	242020156

587	Nguyễn Thị Triều	CN Chuyển Tỉnh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	5420262251	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Triều	1017691650	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	221411530
588	Lê Minh Tâm	CN Chuyển Tỉnh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	5621322477	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Minh Tâm	1017896659	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	225454596
589	Nguyễn Trường Mạnh	CN Chuyển Tỉnh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7513156379	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Trường Mạnh	1017932830	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	365703352
590	Chau Rắt	CN Chuyển Người 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	8925506990	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Rắt	1017691689	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352124361
591	Nguyễn Kiều Quê	CN Chuyển Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	9622920544	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Kiều Quê	1017508206	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381979343
592	Ngàng Sóc Banl	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	7513167538	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngàng Sóc Banl	1018826754	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352019834
593	Nguyễn Thị Hồng Nhưng	CN Chuyển Tỉnh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	5621548772	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hồng Nhưng	1017932885	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	225628377
594	Nguyễn Thị Thanh Hà	giám đốc Kinh doanh	Không xác định thời hạn	01/11/2009	7908493735	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thanh Hà	1011397248	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	271727161
595	Nguyễn Văn Tinh	NV mẫu	Xác định thời hạn 3 năm	01/07/2019	9321873482	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Tinh	1014095026	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	363645503
596	Huỳnh Kim Hương	CN Tổ Chuyển I	Không xác định thời hạn	01/04/2015	7515118149	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Kim Hương	1011442287	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381543153
597	Neáng Chanh Đa Ra	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8925600361	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neáng Chanh Đa Ra	1011508778	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352463062
598	Nguyễn Trung Nguyễn	Kỹ Thuật Chuyển Tổ Đóng gói 3	Không xác định thời hạn	01/07/2015	7515118759	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Trung Nguyễn	1011410866	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	364035422
599	Neáng Vành Nha	CN Tổ Cắt Phoi	Không xác định thời hạn	01/05/2016	7516108946	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neáng Vành Nha	1011321227	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351524544
600	H Pí Niê	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6623272920	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Pí Niê	1011508244	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240942067
601	Nguyễn Văn Dón	Xưởng Trưởng Xưởng Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	7509044089	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Dón	1018641832	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381318710
602	Phan Hoàng Anh	NV Phòng Kỹ Thuật	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	7516092073	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phan Hoàng Anh	1017691922	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272357724

603	Lê Bá Sỹ	NV Phòng Vất Tu - Đất Hàng	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	7513033581	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Bá Sỹ	1018641793	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	183553523
604	Y Angel Niê	CN Tổ Lên Cont	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6623325975	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Angel Niê	1018508250	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241895465
605	Y For Niê	CN Tổ Lên Cont	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6623329898	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y For Niê	1018826880	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241250094
606	Phạm Ngọc Tuấn	CN Tổ Lên Cont	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	832158422	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Ngọc Tuấn	1018508263	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	321022921
607	Chiêm Ngọc Hải	CN Tổ Cắt Phôi	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	9421685545	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chiêm Ngọc Hải	1011508105	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	366239538
608	Chau Lư	CN Tổ Cắt Phôi	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	8923421169	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Lư	1018641829	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352104473
609	Nguyễn Đình Hoà	CN Tổ Cắt Phôi	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6423158017	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Đình Hoà	1018508344	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	231330847
610	Nềang Thi	CN Tổ Cắt Phôi	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	8924512376	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nềang Thi	1018508506	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351394543
611	Nềang Pôk	CN Tổ Ghép Nân	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	7516090539	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nềang Pôk	1018508302	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351628672
612	Trần Thị Hồng Phượng	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	7510098318	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Hồng Phượng	1011836110	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	362056134
613	Lý Thị Tha	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	9621734632	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lý Thị Tha	1018826819	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381754541
614	Nguyễn Văn Đức	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6421869277	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Đức	1018508331	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	231330880
615	Ngô Văn Tăng	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	8922862384	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngô Văn Tăng	1018508496	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351612546
616	Trịnh Quốc Hội	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	9622414961	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trịnh Quốc Hội	1011836165	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381236508
617	A Hai	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6221197712	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	A Hai	1018507196	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	233269584
618	Đặng Thị Quế	CN Tổ Chả Nhâm Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	4017532401	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đặng Thị Quế	1018641803	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	186331253

619	Lâm Thảo Nguyễn	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	9622974549	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lâm Thảo Nguyễn	1018826796	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	382016818
620	Ngàng Sa Vuol	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	8924504195	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngàng Sa Vuol	1018508409	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352662989
621	Chau Chanh Đa	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	8923426616	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Chanh Đa	1011506783	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352475530
622	Y Jón Niê	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6621989773	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Jón Niê	1018508412	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241869115
623	Lư Trung Hậu	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	9622312394	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lư Trung Hậu	1017030156	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381749303
624	Y Soai Bkrông	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6622984626	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Soai Bkrông			242013364
625	Nguyễn Văn Út	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	8722676493	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Út	1018826592	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	341233987
626	Nguyễn Hữu Khanh	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6622630687	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hữu Khanh	1018829641	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241398373
627	Huỳnh Kim Chi	CN Chuyển Người 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	9622418070	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Kim Chi	1011832923	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381846497
628	H Bải Niê	CN Chuyển Người 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6623325601	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Bải Niê	1018911928	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241284014
629	Huỳnh Thị Kim Năm	CN Chuyển Người 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	8922569327	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Kim Năm	1018852773	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351663895
630	Tạ Minh Thư	CN Chuyển Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	9622662402	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Tạ Minh Thư	1018508292	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381919107
631	Huỳnh Văn Lợi	CN Chuyển Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	9522106863	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Văn Lợi	1011509010	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	385787751
632	H' Phim Knul	CN Chuyển Lắp Ráp 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6623262881	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H' Phim Knul	1012582735	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241611796
633	Y Yô Ník Niê	CN Chuyển Tinh 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6623320715	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Yô Ník Niê	1018911931	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	242034463
634	Y Chán Býă	CN Chuyển Tinh 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6622928935	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Chán Býă			242013363



635	Y Tạo Mító	CN Chuyên Tinh 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6623232112	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Tạo Mító	1018911944	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241164726
636	Trần Hoàng Huy	CN Chuyên Tinh 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	8925288105	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Hoàng Huy	1018911957	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352082146
637	H Rím Bkrông	CN Tổ Chuyên II	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6623373556	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Rím BKRông	1017933169	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	242029190
638	Y Chân Niê	CN Tổ Chuyên II	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6624407741	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Chân Niê	1018826848	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240999653
639	Danh Quốc Bình	CN Tổ Chuyên II	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	9122416268	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Danh Quốc Bình	1018826864	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	3711130792
640	H Riết Khuôr	CN Tổ Chuyên II	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6623229365	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Riết Khuôr	1018508519	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	242034284
641	Đồng Văn Hương	CN Tổ Đồng gói - Sơn 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	5820912993	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đồng Văn Hương	1018826835	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264366906
642	Chau Ra	CN Tổ Đồng gói - Sơn 2	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8923431923	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Ra	1018508357	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352032539
643	Chau Pha Nit	CN Tổ Đồng gói - Sơn 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	8924512378	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Pha Nit	1011833074	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352396196
644	Ngang Sóc Kin	CN Tổ Chuyên I	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	8923481169	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngang Sóc Kin	1017030664	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351704560
645	Ngang Thi Đa	CN Tổ Chuyên I	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	8923398107	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngang Thi Đa	1018826518	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352622954
646	Đinh Thị Liên	CN Tổ Chuyên I	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	5820832791	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đinh Thị Liên	1018826547	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264324420
647	Nguyễn Thị Trúc Phương	CN Tổ Chuyên I	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	5820025312	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Trúc Phương	1018826550	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264324424
648	H Pi Niê	CN Tổ Chuyên I	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6622758197	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Pi Niê	1018826822	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241841875
649	Chau Kim	CN Tổ Chuyên I	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	8923453449	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Kim	1018826877	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352758016
650	Y Phê La Byă	CN Tổ Đồng gói - Sơn 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6623328288	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Phê La Byă	1018826806	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	242010459

651	Danh Giang	CN Tổ Lắp Ráp - Sơn 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	9321460269	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Danh Giang	1017467091	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	363757292
652	Y Siu Ksor	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6623220132	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Siu Ksor	1018508425	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241896491
653	Y Si Wan Niê	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6624403738	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Si Wan Niê	1018508441	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241956896
654	Y Yek Hđốc	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6623491240	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Yek Hđốc	1018508247	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241931705
655	Nguyễn Thị Mỹ Linh	CN Chuyển Người 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	9422459560	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mỹ Linh	1018508373	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	366310865
656	Nguyễn Thanh Hào	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	7022036268	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Hào	1018508153	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	285639706
657	Trần Văn Túy	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	9622918224	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Văn Túy	1011543607	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381837614
658	Phạm Minh Cờ	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	9222192375	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Minh Cờ	1018508360	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	092098001019
659	Nguyễn Nhị Khang	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	9422431880	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Nhị Khang	1018508386	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	366217797
660	H Juil Niê	CN Chuyển Tỉnh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	6622990660	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Juil Niê	1011507915	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241595409
661	Lê Thị Chúc Ly	CN Chuyển Tỉnh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	9222664232	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Chúc Ly	1018856973	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	092199002242
662	Trần Minh Toàn	CN Chuyển Tỉnh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	9622791544	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Minh Toàn	1014095783	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381677295
663	Đỗ Danh Khải Hoàng	CN Chuyển Tỉnh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/05/2021	8924281060	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đỗ Danh Khải Hoàng	1018826589	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352547148
664	Nguyễn Hồng Nhật	NV Phòng Kỹ Thuật	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7526632309	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hồng Nhật	1018826440	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272493965
665	Nguyễn Văn Dũng	NV Tổ mẫu	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7523574466	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Dũng	1018826039	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	276012200
666	Y Ka Êban	NV Kho vật tư - Thành phẩm	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7515117881	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Ka Êban	1018826084	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241665706

667	Nguyễn Hữu Tùng	CN Tổ Lên Cont	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623030599	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hữu Tùng	1018507578	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240993141
668	Chau Lắc Kây Na	CN Tổ Lên Cont	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7413248899	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Lắc Kây Na			351764932
669	Danh Ri	CN Tổ Lên Cont	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	9122014414	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Danh Ri	1018912105	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	372022655
670	Chau Sên	CN Tổ Lên Cont	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8016015202	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sên	1018911850	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352252453
671	Võ Thị Ngọc	CN Tổ Cải Phôi	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	9422427683	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Võ Thị Ngọc	1018826615	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	365616363
672	Lưu Minh Trang	CN Tổ Cải Phôi	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8910006372	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lưu Minh Trang	1018826628	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352023105
673	Trương Công Tường	CN Tổ Cải Phôi	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	4016587015	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trương Công Tường	1018912066	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	186579786
674	H Rốp Ayun	CN Tổ Cải Phôi	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623424183	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Rốp Ayun	1018642132	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241701093
675	Nguyễn Nhảy	CN Tổ Cải Phôi	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923444381	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Nhảy	1018826152	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352518636
676	Chau Ra	CN Tổ Cải Phôi	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8924788024	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Ra	1018826165	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352561247
677	Y Jerome Buôn Krông	CN Tổ Cải Phôi	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622249138	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Jerome Buôn Krông	1018641751	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241761122
678	Đam San Byă	CN Tổ Cải Phôi	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622093882	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đam San Byă	1018827164	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241863287
679	Y Ma Niê	CN Tổ Finger	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622603683	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Ma Niê	1018510248	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241359726
680	Nguyễn Sa Ra	CN Tổ Ghép Nạn	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7516145613	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Sa Ra	1011320545	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351910984
681	Y Mel Ktla	CN Tổ Ghép Nạn	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623769680	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Mel Ktla	1018641722	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	242003959
682	Quảng Đại Hệ	CN Tổ Ghép Nạn	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	5820938393	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Quảng Đại Hệ			264540429

683	Y Mương Kbuôr	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623905506	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Mương Kbuôr	1018826929	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241931318
684	Nguyễn Thị Xuân Hoài	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7526598935	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Xuân Hoài	1018826000	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264294621
685	Y Hân Býă	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623417700	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Hân Býă	1018826013	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241823151
686	H Mura Hđok	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6621959242	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Mura Hđok	1018641971	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241676997
687	H' Nami Mlô	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622791403	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H' Nami Mlô	1018642145	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241709325
688	Nguyễn Văn Cường	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8925722550	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Cường			352347555
689	Niềng Sóc Cai	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923446327	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Niềng Sóc Cai	1017468427	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352518176
690	Huỳnh Hoàng Lực	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	9221593689	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Hoàng Lực	1018826194	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	092202006400
691	Thạch Rô	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7516177432	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Thạch Rô	1011411085	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	334746978
692	Trần Xuân Lai	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	5420662146	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Xuân Lai			221463371
693	Y Kết Êban	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622660543	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Kết Êban	1018826259	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241995176
694	Bá Văn Phai	CN Tổ Chà Nhảm Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7516201659	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Bá Văn Phai	1018507248	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264405196
695	Niềng On	CN Tổ Chà Nhảm Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923507338	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Niềng On	1018826123	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351825105
696	H Ri Na Niê	CN Tổ Chà Nhảm Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622975773	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Ri na Niê	1018962883	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241956467
697	Đặng Văn Thiện	CN Tổ Chà Nhảm Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7524358861	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đặng Văn Thiện	1018962896	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	276059054
698	Niềng Pho Ly	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8924676157	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Niềng Pho Ly	1018507581	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351636959

699	Nàng Sóc Kha	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923605011	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nàng Sóc Kha	1018827070	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352206549
700	Nàng Sây Mau	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923397099	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nàng Sây Mau	1018827135	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352451026
701	Chau Thu	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8925434757	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Thu	1016014717	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352730063
702	Y Prô Mên Mlô	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622711530	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Prô Mên Mlô	1018307251	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241840748
703	Chau Khunh	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7516177469	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Khunh	1011412372	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352202704
704	Y Tuyen Byă	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623768925	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Tuyen Byă	1018641641	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240960090
705	Nàng Sây Mao	CN Chuyển Lắp Ráp 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7516146070	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nàng Sây Mao	1011320480	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352399016
706	Y Za Niê	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623251483	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Za Niê	1011508095	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241284184
707	Thế Văn Dương	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7721671542	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Thế Văn Dương	1018827177	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	042076000455
708	Y Sơn Êban	CN Chuyển Tinh 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622554149	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Sơn Êban	1018826291	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241511008
709	H Don Êban	CN Chuyển Người 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622652798	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Don Êban	1018642187	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241236976
710	H Ghep Niê	CN Chuyển Người 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622550975	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Ghep Niê	1018642190	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241844338
711	H Hà Êban	CN Chuyển Người 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6624028747	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Hà Êban	1018642200	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241488828
712	Chau Trần Duy	CN Chuyển Người 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	5820912103	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Trần Duy	1018912095	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264162193
713	Chau Sóc Khiêng	CN Chuyển Người 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7516142325	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sóc Khiêng	1011321515	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352202921
714	Lê Thị Hồng	CN Chuyển Người 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	5420585225	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Hồng	1018826314	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	221363622

715	Y Quin Kpor	CN Chuyển Lắp Ráp I	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623430351	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Quin Kpor	1018912053	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241887803
716	Bóng Văn Di	CN Chuyển Lắp Ráp I	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	9622279319	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Bóng Văn Di	1015315857	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381889335
717	Y Ma Tha Miô	CN Chuyển Lắp Ráp I	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622959314	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Ma Tha Miô	1017691702	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241888320
718	Nguyễn Văn Phong	CN Chuyển Lắp Ráp I	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	4018719836	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Phong	1018826233	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	186708601
719	Y Lương Niê	CN Chuyển Tỉnh I	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6624476318	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Lương Niê	1011832512	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241594205
720	Chau Quenl	CN Chuyển Tỉnh I	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7516109411	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Quenl	1018507390	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352443766
721	Y Ko Éban	CN Chuyển Tỉnh I	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622570189	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Ko Éban	1018507400	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241844537
722	H' Mân Niê	CN Chuyển Tỉnh I	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623951502	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H' Mân Niê	1018642022	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241871753
723	Y Mung Hmók	CN Chuyển Tỉnh I	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623489086	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Mung Hmók	1018642174	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240863063
724	Lô Thị Khao	CN Chuyển Tỉnh I	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	4019148112	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lô Thị Khao	1018912082	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	186604994
725	Y Quyen Miô	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6624283597	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Quyen Miô	1018507206	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241342961
726	H' Nguet Éban	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623349034	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H' Nguet Éban	1018507219	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	240645450
727	Chau Hoàng Đệ	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	9521643223	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Hoàng Đệ	1018827054	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	385735498
728	Chau Quinh	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923452414	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Quinh	1018827106	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352340864
729	Y Tào Bkrông	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622103400	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Tào Bkrông	1018641670	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241599163
730	Nguyễn Thị Hén	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8922707878	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hén	1018827151	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352100086

731	Nguyễn Thị Thảo	CN Tổ Chuyên II	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8922589605	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thảo	1018826327	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352087888
732	Mai Thị Loan	CN Tổ Đồng gói - Sơn 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7525164842	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Mai Thị Loan	1018826026	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	271174624
733	Nguyễn Vonce	CN Tổ Đồng gói - Sơn 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923545766	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Vonce	1018827096	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352361882
734	Y Kôi Niê	CN Tổ Lắp Ráp - Sơn 2	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623385999	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Kôi Niê	1018641667	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241221717
735	Y Thôn Bĩa	CN Tổ Chuyên I	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622899378	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Thôn Bĩa	1012859772	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241929840
736	Chau Ry	CN Tổ Đồng gói - Sơn 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8925641865	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Ry	1018826961	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351907481
737	Trương Văn Thiện	CN Tổ Đồng gói - Sơn 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	4016893587	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trương Văn Thiện	1018507604	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	187990331
738	Trần Hồng Vệ	CN Tổ Đồng gói - Sơn 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	5620029824	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Hồng Vệ	1018641696	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	225592719
739	Tạ Bích Ngọc	CN Tổ Đồng gói - Sơn 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	9622323468	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Tạ Bích Ngọc	1018827193	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381536099
740	Ngô Văn Chiêu	CN Tổ Đồng gói - Sơn 1	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	9622286941	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngô Văn Chiêu	1018826275	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381347014
741	H Dê Bô Ra Niê	CN Chuyên Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623997537	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Dê Bô Ra Niê	1018826644	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241737570
742	Nguyễn Rách	CN Chuyên Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8012009784	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Rách	1018829858	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352132363
743	Sư Văn Hậu	CN Chuyên Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	5820604482	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Sư Văn Hậu	1018962838	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264580034
744	Đàng Ngọc Dư	CN Chuyên Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	5820832514	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đàng Ngọc Dư	1018507293	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264300670
745	H' Nhiên Niê	CN Chuyên Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623461304	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H' Nhiên Niê	1018507316	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241742404
746	H Thao Niê	CN Chuyên Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622670670	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Thao Niê	1018507345	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241512347

747	Neàng Hal	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7526827618	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neàng Hal	1015288065	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351623813
748	H Miao Byă	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623991454	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Miao Byă	1016859260	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241823157
749	Chau Rôt Tha	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923545666	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Rôt Tha	1018507439	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352434561
750	Y Tam Kpor	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6624403149	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Tam Kpor	1018962841	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241024786
751	Neàng Sóc Nal	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923395917	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neàng Sóc Nal	1011508859	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352588863
752	Chau Rách Tha	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923405503	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Rách Tha	1018962854	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352764689
753	H Ruê Êban	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6624375781	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Ruê Êban	1018507507	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241853797
754	Chau Nhinh	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923507478	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Nhinh	1016011079	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352548575
755	Neàng Sóc Kia	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923497866	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neàng Sóc Kia	1018826709	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352591277
756	Neàng Thu	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923450230	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neàng Thu			351207583
757	Chau Nốt	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923481877	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Nốt	1018641861	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352110914
758	Neàng Thăm	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923471928	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neàng Thăm	1018641874	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351317267
759	Neàng Thi Đa	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8925169723	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neàng Thi Đa	1018826042	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351317268
760	H Bêñ Êban	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622683588	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Bêñ Êban	1018641887	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241511183
761	H Nam Êban	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622584442	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Nam Êban	1018641890	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241721875
762	Neàng Chanh Tha	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923465071	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neàng Chanh Tha	1018641913	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351679545

763	H Duim Niê	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623275201	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Duim Niê	1016011765	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241460818
764	H Loa Kila	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622198453	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Loa KTLA	1018641926	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241523555
765	H Nãi Adromg	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622687278	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Nãi Adromg	1018641939	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241258027
766	Y Uất Adrông	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622624676	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Uất AdRông	1018642103	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241287271
767	Y Thanh	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6221039134	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Thanh	1018826071	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	233295011
768	Lô Văn Hải	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	4019148009	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lô Văn Hải	1018642129	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	187027794
769	Lô Thị Đức	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	5820898456	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lô Thị Đức			264235966
770	Chau Ri	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8924640135	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Ri	1018826136	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352136376
771	Ngăng Sóc Dê	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8925331710	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Ngăng Sóc Dê	1018826149	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352202667
772	Chau Chách	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	8925688772	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Chách	1011836408	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352475056
773	Chau Nol	CN Tổ Đồng gói 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8012022313	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Nol	1018829793	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352312079
774	Danh Thị Út	CN Tổ Đồng gói 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	9123207846	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Danh Thị Út	1018826974	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	370722809
775	Từ Khang	CN Tổ Đồng gói 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	5820703306	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Từ Khang	1017933185	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264525785
776	Chau Sóc Voanh	CN Tổ Đồng gói 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923644686	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sóc Voanh	1015940947	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352463583
777	Y Ninh Niê	CN Tổ Đồng gói 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623236398	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Ninh Niê	1018912079	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241806064
778	Y Brin Bkrông	CN Tổ Đồng gói 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623290311	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Brin Bkrông	1018827067	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241967730

779	Chau Đơn	CN Tổ Động gói 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7515118786	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Đơn	1011319886	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351822786
780	Chau Song	CN Tổ Động gói 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923433133	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Song	1017030318	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352518148
781	Chau Rum	CN Tổ Động gói 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8012018446	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Rum	1018829696	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352033678
782	H Neo Niê	CN Chuyển Người 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623079470	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Neo Niê	1018656364	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241970401
783	Nèang Sóc The	CN Chuyển Người 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8925708822	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nèang Sóc The	1018826068	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352405602
784	Dương Thị Nuôi	CN Chuyển Người 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7512202470	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Dương Thị Nuôi	1018642064	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	370747639
785	Nèang Denl	CN Chuyển Người 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8925370532	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nèang Denl	1018826097	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352475838
786	Nguyễn Thị Mỹ Chi	CN Chuyển Người 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	9422562440	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mỹ Chi	1018852621	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	366181723
787	Nèang Chanh Ni	CN Chuyển Người 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923394412	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nèang Chanh Ni	1018827180	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352591697
788	Y Quán Niê	CN Chuyển Người 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623337891	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Quán Niê	1011507753	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241850498
789	Chau Sóc Thane	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923534365	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sóc Thane	1018826699	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352572178
790	Nguyễn Cường Quốc	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7524465251	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Cường Quốc	1018507374	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272599820
791	Trần Văn Hùng	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7516113145	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Văn Hùng	1011541133	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	380889199
792	Chau Hên	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923508276	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Hên	1011508998	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352258036
793	Lô Văn Nhận	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	3316046135	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lô Văn Nhận	1018642080	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	186222283
794	Y Thứ Buôn Krông	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622245914	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Thứ Buôn Krông	1018641609	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241909719

795	Y Aróit Êban	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622683902	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Aróit Êban	1018641638	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241943040
796	Nguyễn Văn Cảnh	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	9222483374	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Cảnh	1018840921	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	092200005864
797	Y Thiệu Bđap	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622701391	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Thiệu Bđap	1018826220	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241905826
798	Neàng Ty	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7515118883	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Neàng Ty	1018826660	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352151332
799	Hồ Thanh Tùng	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	5620699235	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hồ Thanh Tùng	1018826686	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	225549382
800	Y Vu Niê	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622920885	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Vu Niê	1018507471	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241954045
801	Y Thiết Êban	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623358401	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Thiết Êban	1018507455	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241822765
802	Đoàn Khánh Đăng	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8621616014	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đoàn Khánh Đăng	1018507536	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	331968289
803	Đoàn Thị Diệu Hiền	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8621585248	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Đoàn Thị Diệu Hiền	1018507549	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	331968248
804	Chau Sang	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	8923418760	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Sang	1018826712	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352708412
805	H' La Byă	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623341396	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H' La Byă	1011507892	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241824256
806	Y' Yôn Niê Kdăm	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6623296136	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y' Yôn Niê Kdăm	1018641984	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241993823
807	Lê Thị Diễm My	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	5420945235	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Diễm My	1018826055	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	221463287
808	Y Iên Mlô	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622980995	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Y Iên Mlô	1018827038	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241910629
809	Tô Thị Thòa	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	4026164690	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Tô Thị Thòa	1018641612	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	186193656
810	Som Thị Tiền	CN Chuyển Tinh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	7411028345	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Som Thị Tiền	1018826110	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	365831919

811	Thành Văn Duyệt	CN Chuyển Tỉnh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	5820525688	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Thành Văn Duyệt	1018641748	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	264563949
812	Nông Thị Bền	CN Chuyển Tỉnh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	6622393788	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nông Thị Bền	1011836246	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241516766
813	Trịnh Văn Dũng	CN Chuyển Tỉnh 3	Xác định thời hạn 1 năm	01/06/2021	9123609573	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Trịnh Văn Dũng	1018826288	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	370666689
814	Hoàng Thị Hồng	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6221084478	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Hoàng Thị Hồng	1017203239	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	233181888
815	H Drum Niê	CN Tổ Chuyển II	Xác định thời hạn 1 năm	01/03/2021	6623384923	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	H Drum Niê	1011996005	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241922858
816	Nguyễn Non	CN Tổ Rong Ghép	Xác định thời hạn 3 năm	01/10/2018	8923490988	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Non	1011508312	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351409311
817	Nguyễn Ái Nhi	Thông kê chuyển Tỉnh 2	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177448	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Ái Nhi	1011440713	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	385716669
818	Lâm Thị Yến Linh	CN Tổ Đóng gói 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/03/2019	9122985364	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lâm Thị Yến Linh	1011509285	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	371939936
819	Nguyễn Thị Cẩm Hương	CN Chuyển Sơn 3	Xác định thời hạn 3 năm	01/09/2019	8925619076	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Cẩm Hương	1011831885	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351713802
820	Lê Thị Ngọc Hân	CN Chuyển Người 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	9222193691	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Ngọc Hân	1012277419	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	089190000316
821	Nguyễn Ra	CN Chuyển Người 2	Không xác định thời hạn	01/07/2015	4706082484	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Ra	1011441547	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351325718
822	Nguyễn Sóc Kha	CN Chuyển Người 2	Không xác định thời hạn	01/03/2017	7516177471	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Sóc Kha	1011409000	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352033523
823	Nguyễn Sóc Rềnl	CN Chuyển Tỉnh 3	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	8923472086	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Sóc Rềnl	1012276973	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352462407
824	Nguyễn Sậy Pếch	CN Tổ Chà Nhâm Tỉnh 2	Xác định thời hạn 3 năm	02/04/2018	8925358566	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Sậy Pếch	1011441149	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352123695
825	Chau Rết	CN Chuyển Lắp Ráp 3	Xác định thời hạn 3 năm	02/05/2019	8923483114	01/08/2021	01/08/2021	15/09/2021	3.710.000	Chau Rết	1012018348	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352252389
Cộng: 825 người lao động									3.060.750.000				



II. Hồ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi

TT	Họ và tên	STT tại Mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMND/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ	Số tài khoản	Ngân hàng	Số CMND/thẻ căn cước công dân
1	Nguyễn Văn Thái	116	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	31/03/2019	H Bhuñ Niê	241245110	1.000.000	Nguyễn Văn Thái	1011320406	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	385605679
2	Nguyễn Thanh Hào	656	Nguyễn Hoàng Gia Huy	20/12/2016	Phạm Thị Hồng Thắm	371726983	1.000.000	Nguyễn Thanh Hào	1018508153	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	285639706
3	Lê Thị Hồng	714	Nguyễn Thị Như Quỳnh	24/07/2016	Nguyễn Văn Biên	221246759	1.000.000	Lê Thị Hồng	1018826314	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	221363622
4	Son Thanh Toàn	35	Son Tin	29/01/2017	Neang Pêch Sa Ra	352252576	1.000.000	Son Thanh Toàn	1011321557	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	365988169
5	Neáng Sóc Mưong	160	Chau Khunh Ny	09/11/2017	Chau Khunh	352319545	1.000.000	Neáng Sóc Mưong	1011412440	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352319545
6	Neáng Sóc Kha	822	Chau Sóc Phi	21/04/2021	Chau Trách	352136921	1.000.000	Neáng Sóc Kha	1011409000	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352033523
7	Lê Thị Ngọc Hân	820	Nguyễn Ngọc Châu	16/04/2021	Nguyễn Hoàng Hân	092087003296	1.000.000	Lê Thị Ngọc Hân	1012277419	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	089190000316
8	Bùi Thị Hạnh	522	Bùi Tuấn Khương	21/11/2018	Bùi Văn Nhật	113533399	1.000.000	Bùi Thị Hạnh	1017932733	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	113692364
9	Neáng Sa Vuol	620	Neáng Bô Pha	04/01/2020	Chau Chanh Đa	352662989	1.000.000	Neáng Sa Vuol	1018508409	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352662989
10	Chau Sóc Khroml	188	Chau Sóc Phon	23/06/2019	Neáng Sây Lắc	352252735	1.000.000	Chau Sóc Khroml	1011412411	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352252735
11	Nguyễn Thị Triều	587	Trần Nguyễn Gia Huy	31/12/2016	Trần Ngọc Anh	194563041	1.000.000	Nguyễn Thị Triều	1017691650	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	221411530
12	Phùng Văn Thuyền	278	Phùng Thị Cẩm Nhung	27/07/2016	Trịnh Thị Nhi	142849493	1.000.000	Phùng Văn Thuyền	1011507850	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	142518964
13	H Juil Niê	660	H Ra Hi Niê	11/10/2015	Y Lê Niê	241537752	1.000.000	H Juil Niê	1011507915	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241595409
14	Neáng Sóc Kia	755	Neáng Canh Nha	31/08/2019	(Mẹ đơn thân)		1.000.000	Neáng Sóc Kia	1018826709	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352591277
15	H Ung Bkrông	404	H Nhất Bkrông	18/10/2016	Y Sinh Bya	241505416	1.000.000	H Ung Bkrông	1015006470	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241567491
16	H' Nhiên Niê	745	Y Gím Niê	02/10/2018	Y Đen Ê Cẩm	241930252	1.000.000	H' Nhiên Niê	1018507316	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241742404
17	H Lan Hdruê	396	Y Thiên Ân Hdruê	18/04/2017	(Mẹ đơn thân)		1.000.000	H Lan Hdruê	1015005921	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241081803

18	Đinh Thị Thủy	531	Đinh Công Chiến	06/12/2018	Đinh Công Quyết	131196077	1.000.000	Đinh Thị Thủy	1011411250	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	131196536
19	Lê Thành Luân	535	Lê Nguyễn Gia Linh	13/06/2021	Nguyễn Thị Long	272757554	1.000.000	Lê Thành Luân	1018826495	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241446791
20	Chau Sách	300	Chau Hoàng Sa	29/07/2019	Neáng Som	352451509	1.000.000	Chau Sách	1011507449	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352202649
21	Y Nũa Mlô	263	Y Trinh Êban	19/04/2017	H Na Vi Êban	241719803	1.000.000	Y Nũa Mlô	1011507339	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241718012
22	Son Thị Tiền	810	Lâm Đang	29/04/2017	Lâm Gan	365866224	1.000.000	Son Thị Tiền	1018826110	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	365831919
23	Trương Thanh Tiếng	331	Trương Ánh Vy	18/03/2018	Ngô Thị Vàng	342123296	1.000.000	Trương Thanh Tiếng	1012018270	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	341725124
24	Y Ka Êban	666	H Sô La Êban	20/02/2017	H Oai Êban	241378648	1.000.000	Y Ka Êban	1018826084	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241665706
25	Trần Thị Hải Yến	78	Trần Trung Quân	09/08/2019	Trần Thái Hòa	250424800	1.000.000	Trần Thị Hải Yến	1011441246	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272025035
26	Nguyễn Gia Tấn	180	Nguyễn Ngọc Đăng Khoa	08/01/2021	Trần Thị Mỹ Yến	272534740	1.000.000	Nguyễn Gia Tấn	1011319828	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272357897
27	Bùi Thị Thùy Anh	14	Đỗ Tuệ Nhi	11/11/2016	Đỗ Minh Tú	024917518	1.000.000	Bùi Thị Thùy Anh	1011319844	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272807118
28	Ngô Như Quỳnh	195	Nguyễn Minh Khuê (Giấy chứng sinh)	25/07/2017 18/08/2021	Nguyễn Thành Vinh	197232712	1.000.000 1.000.000	Ngô Như Quỳnh	1011319598	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	197213918
29	Nguyễn Thị Thanh Hà	594	Trần Bá Vương	24/09/2020	Trần Bá Dỗi	381143277	1.000.000	Nguyễn Thị Thanh Hà	1011397248	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	271727161
30	Nguyễn Thị Kim Hồng	24	Phù Cát Tường Vy	03/08/2017	Phù Nhục Quay	272060117	1.000.000	Nguyễn Thị Kim Hồng	1011397264	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272053476
31	Nguyễn Hồng Nhật	664	(Giấy chứng sinh)	09/08/2021	Lê Hoàng Ánh Nhi	272532212	1.000.000	Nguyễn Hồng Nhật	1018826440	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272493965
32	Tổng Duy Sơn	111	Tổng Mộc Trà Tống Duy Khang	14/03/2018 16/01/2020	Võ Nữ Kiều Nga	272536972	1.000.000 1.000.000	Tống Duy Sơn	1011397332	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272536972
33	Lê Thị Kim Duyên	174	Nguyễn Lê Như Ý	22/06/2019	Nguyễn Ngọc Đức	271827354	1.000.000	Lê Thị Kim Duyên	1011319750	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272053410
34	Lê Bá Sỹ	603	Lê Đại Quang	29/03/2017	Nguyễn Thị Huyền Trang	272222562	1.000.000	Lê Bá Sỹ	1018641793	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	183553523
35	Huỳnh Văn Hiếu	53	Huỳnh Kim Vang	29/09/2018	Phạm Trúc Ly	381798769	1.000.000	Huỳnh Văn Hiếu	1011397206	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381735719

36	Trương Văn Lã	491	Trương Niê Văn Hưng	19/06/2019	 Lê Thị Niê	241845829	1.000.000	Trương Văn Lã	1011411548	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	187104473
37	Nguyễn Viết Thuận	11	Nguyễn Thanh Thảo	14/08/2017	Phan Thị Duyên	036198000512	1.000.000	Nguyễn Viết Thuận	1011413180	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	186777730
38	Đặng Văn Tảo	3	Đặng Hưng Phát	20/07/2016	Hồ Thị Thanh	272884949	1.000.000	Đặng Văn Tảo	1011319682	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272681294
39	Trần Thị Phương	106	Lê Thị Phương Trang	16/06/2016	Lê Khắc Chí	174708319	1.000.000	Trần Thị Phương	1011319653	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	184018116
			Lê Thị Ngọc Bích	12/09/2018			1.000.000				
40	Ngàng Thai	336	Ngàng Kim Nhi	31/08/2017	Chau Bóc	352252216	1.000.000	Ngàng Thai	1012276708	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352362542
41	Hà Thị Thu Hoàn	113	Lê Hà Bảo Hân	26/07/2019	Lê Văn Sỹ	026085006507	1.000.000	Hà Thị Thu Hoàn	1011397756	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	132195243
42	Hoàng Thị Hồng	814	Huỳnh Tấn Nhật	31/05/2016	Huỳnh Tấn Trường	233086250	1.000.000	Hoàng Thị Hồng	1017203239	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	233181888
43	Bùi Văn Vĩnh	315	Bùi Bảo Lan Byă	30/12/2019	H' Sara Byă	241702769	1.000.000	Bùi Văn Vĩnh	1011846045	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	173717403
44	Néang Vanh Nha	599	Chau Panh Nha	11/11/2020	Chau Vưom	351725004	1.000.000	Néang Vanh Nha	1011321227	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351524544
45	Ngô Thị Diệu	91	Nguyễn Tấn Tài	15/12/2016	Nguyễn Trung Nguyễn	364035422	1.000.000	Ngô Thị Diệu	1011410918	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381928232
46	Y Thôn Byă	735	Y Đa Mách Niê	29/10/2020	H Pao Niê	241955389	1.000.000	Y Thôn Byă	1012859772	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241929840
47	Lê Văn Long	151	Lê Đăng Khoa	06/08/2018	Đường Thị Thanh	187109447	1.000.000	Lê Văn Long	1011411357	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	197286966
48	Tô Quốc Long	214	Tô Quốc Trùng	13/06/2017	Nguyễn Thị Oanh Kiều	272884202	1.000.000	Tô Quốc Long	1011319433	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	272645478
49	Vũ Văn Thề	82	Vũ Phạm Gia An	06/05/2017	Vũ Thị Ngọc Như	264460989	1.000.000	Vũ Văn Thề	1011319404	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	036090001043
50	Nguyễn Đắc Hiếu	145	Nguyễn An Nhiên	07/01/2019	Lê Thị Diệu Thủy	197266225	1.000.000	Nguyễn Đắc Hiếu	1011440849	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	197186966
51	Nguyễn Thái Hòa	337	Nguyễn Hồng Thiên Thanh	08/04/2021	Nguyễn Thị Lệ Thu	271924187	1.000.000	Nguyễn Thái Hòa	1013551846	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	271727210
52	Đinh Văn Dũng	169	Đinh Tú Anh	04/05/2020	Trần Thị Nga	184007494	1.000.000	Đinh Văn Dũng	1011319462	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	194447012
53	Néang Dinh	373	Đào Kung Kĩa	26/12/2017	Đào Văn Lang (dã mắt)		1.000.000	Néang Dinh	1014103031	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352138961
54	Trương Văn Nhi	90	Trương Thị Như Quỳnh	27/12/2016	Trần Kim Cương	385595958	1.000.000	Trương Văn Nhi	1011398111	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	385603859

55	Nguyễn Văn Tiền	242	Nguyễn Đăng Khôi	19/12/2017	Tổng Mộng Ước	371841713	1.000.000	Nguyễn Văn Tiền	1011321094	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	371915006
56	Y Ma Niê	679	Y khiôn Êban	24/08/2017	H Ri Am Êban	241601030	1.000.000	Y Ma Niê	1018510248	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241359726
57	Hồ Sỹ Hùng	439	Hồ Sỹ Huy	26/09/2017	Trần Thị Quy	187738705	1.000.000	Hồ Sỹ Hùng	1011507083	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	187604292
			Hồ Sỹ Hoàng	25/02/2021			1.000.000				
58	H Muôi Niê	471	Y Anh Niê	25/05/2020	Y Kuinh Ayũn	241381847	1.000.000	H Muôi Niê	1013551257	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241267292
59	Y Kuinh Ayũn	228	Y Pháp Niê	15/03/2017	H Muôi Niê	241267292	1.000.000	Y Kuinh Ayũn	1011321023	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241381847
60	Neàng Hiễn	320	Chau Quai	20/01/2016	Thạch Quân	365175568	1.000.000	Neàng Hiễn	1011836550	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352526506
61	Chau Si Mich	226	Neàng Da Nin	07/05/2021	Neàng Tuóch	351910995	1.000.000	Chau Si Mich	1011411153	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	351981621
62	H Mưong Niê	510	Y Sang Niê	30/08/2019	Y Ô Ri Ktla	241343292	1.000.000	H Mưong Niê	1017662430	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241648618
63	Dương Văn Phương Hồng Thanh	58	Dương Thị Ngọc Quyên	28/05/2016	Vô Thị Lan	352043381	1.000.000	Dương Văn Phương Hồng Thanh	1011320383	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352123928
64	Đặng Đình Hùng	37	Đặng Kỳ Duyên	07/12/2017	Lê Thị Thủy	173174115	1.000.000	Đặng Đình Hùng	1011320134	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	132092174
65	Nguyễn Hoài An	304	Nguyễn Đăng Minh Tân	29/05/2021	Đặng Đức Hậu	366117551	1.000.000	Nguyễn Hoài An	1011507287	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	321701484
66	Trần Thị Hồng Phương	612	Nguyễn Thủy Duy	29/03/2016	Nguyễn Tấn Hiệp	363622393	1.000.000	Trần Thị Hồng Phương	1011836110	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	362056134
67	Neàng Phanhl Na	141	Chau Quanh Nith	07/05/2019	Chau Quanh Nác	352258819	1.000.000	Neàng Phanhl Na	1011320943	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352252737
68	H Ñang Byă	512	Y Sâm Byă	21/10/2016	Y Kũi KPor	241821860	1.000.000	H Ñang Byă	1017033263	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241821859
69	Lý Văn Vi	43	Lý Trung Tới	19/11/2015	Đặng Cẩm Tú	381789025	1.000.000	Lý Văn Vi	1011396993	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	381814537
70	H' Nami Mlô	687	H Ly Di MLô	01/09/2016	Y Sa Bat MLô	241524919	1.000.000	H' Nami Mlô	1018642145	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	241709325
71	Ngô Thị Phương	516	Vô Ngô Phát Đạt	12/10/2016	Vô Văn Chung (đã mất)		1.000.000	Ngô Thị Phương	1018508234	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	192028314
72	Chau Chha Ny	271	Chau Chán Hù	21/04/2020	Neàng Tre	352252225	1.000.000	Chau Chha Ny	1007822316	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352451008
73	Neàng Sóc Cai	689	Neàng Mí Nia	04/03/2019	Chau Bốt	352258782	1.000.000	Neàng Sóc Cai	1017468427	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Nai	352518176

